

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
THE STATE BANK OF VIET NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2018



NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
INFORMATION AND COMMUNICATIONS PUBLISHING HOUSE

MỤC LỤC

Danh mục các từ viết tắt	ii
Vị thế, chức năng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	iii
Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	v
Lời tựa của Thống đốc	vii
Các Vụ, Cục, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	x
■ Phần I – Kinh tế thế giới và Việt Nam	1
1. Tổng quan kinh tế thế giới	1
1.1. Tăng trưởng kinh tế thế giới	1
1.2. Điều hành chính sách tiền tệ của một số quốc gia	3
2. Kinh tế Việt Nam	4
2.1. Tăng trưởng kinh tế	5
2.2. Lao động, thu nhập	7
2.3. Diễn biến lạm phát	8
2.4. Thu chi Ngân sách Nhà nước	9
2.5. Cán cân thanh toán	10
2.6. Diễn biến tài chính tiền tệ	11
2.7. Hoạt động của các tổ chức tín dụng	18
■ Phần II – Điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	22
1. Điều hành chính sách tiền tệ	22
2. Quản lý ngoại hối	26
3. Hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng	27
4. Hoạt động giám sát an toàn vĩ mô hệ thống tài chính	32
5. Công tác pháp chế	33
6. Công tác phát hành kho quỹ	34
7. Hoạt động thanh toán	35
8. Hoạt động thông tin tín dụng	38
9. Công tác truyền thông, minh bạch hóa thông tin	40
■ Phần III – Quản trị nội bộ	42
1. Hoạt động kiểm toán nội bộ	42
2. Tổ chức cán bộ và đào tạo bồi dưỡng	42
3. Công tác nghiên cứu khoa học	44
4. Công tác thống kê	45
5. Công nghệ thông tin	46
■ Phần IV – Hợp tác quốc tế	49
1. Hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế	49
2. Quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế	50
3. Quan hệ hợp tác song phương	51
■ Phụ lục	54

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nội dung viết tắt
BoC	Ngân hàng trung ương Canada
BoE	Ngân hàng trung ương Anh
BoJ	Ngân hàng trung ương Nhật Bản
CAR	Tỷ lệ an toàn vốn
CE	Đầu tư đối với nền kinh tế
CIC	Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia
CSTT	Chính sách tiền tệ
ECB	Ngân hàng trung ương châu Âu
FCD/M2	Tỷ lệ huy động ngoại tệ/tổng phương tiện thanh toán
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
Fed	Cục Dự trữ Liên bang Mỹ
ICOR	Chỉ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư
M2	Tổng phương tiện thanh toán
NCG	Cho vay Chính phủ ròng
NDA	Tài sản có trong nước
NFA	Tài sản có nước ngoài ròng
NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
NHTM	Ngân hàng thương mại
PBoC	Ngân hàng trung ương Trung Quốc
RBoA	Ngân hàng trung ương Úc
ROA	Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản
ROE	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
TCTD	Tổ chức tín dụng
TFP	Năng suất các nhân tố tổng hợp

VỊ THẾ, CHỨC NĂNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM



Trụ sở chính, 49 Lý Thái Tổ, Hà Nội, Việt Nam

□ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan ngang bộ của Chính phủ, là Ngân hàng Trung ương của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thực hiện chức năng của ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các tổ chức tín dụng và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ.

Tóm lược Điều 2, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

□ Chính sách tiền tệ quốc gia là các quyết định về tiền tệ ở tầm quốc gia của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm quyết định mục tiêu ổn định giá trị đồng tiền biểu hiện bằng chỉ tiêu lạm phát, quyết định sử dụng các công cụ và biện pháp để thực hiện mục tiêu đề ra.

Khoản 1, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

□ Quốc hội quyết định chỉ tiêu lạm phát hằng năm được thể hiện thông qua việc quyết định chỉ số giá tiêu dùng và giám sát việc thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.

Khoản 2, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

□ Chính phủ trình Quốc hội quyết định chỉ tiêu lạm phát hằng năm. Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định việc sử dụng các công cụ và biện pháp điều hành để thực hiện mục tiêu chính sách tiền tệ quốc gia theo quy định của Chính phủ.

Khoản 4, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

BAN LÃNH ĐẠO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM



Ông Lê Minh Hưng
Thống đốc



Ông Nguyễn Đồng Tiến
Phó Thống đốc
(nghỉ hưu từ 01/12/2018)



Ông Đào Minh Tú
Phó Thống đốc



Bà Nguyễn Thị Hồng
Phó Thống đốc



Ông Nguyễn Kim Anh
Phó Thống đốc



Ông Đoàn Thái Sơn
Phó Thống đốc



Thống đốc
Lê Minh Hưng

Lời tựa của Thống đốc

Năm 2018 qua đi chứng kiến những diễn biến phức tạp, khó lường của kinh tế thế giới và thị trường tài chính toàn cầu. Mặc dù đà tăng trưởng kinh tế toàn cầu tiếp tục duy trì, tuy nhiên tốc độ đã có biểu hiện chậm lại từ nửa cuối năm. Đồng thời, trên bình diện toàn cầu, giá hàng hóa cơ bản biến động mạnh trước căng thẳng leo thang của xung đột thương mại Mỹ-Trung, cùng chủ nghĩa dân túy và chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch quay trở lại, áp lực lạm phát gia tăng tại nhiều nước, đồng USD tăng giá so với hầu hết các đồng tiền chủ chốt. Trong bối cảnh đó, ngân hàng trung ương các nước lớn tiếp tục thu hẹp dần CSTT nói lỏng, kéo theo xu hướng tăng lãi suất và can thiệp ngoại tệ để ổn định tỷ giá tại nhiều nước mới nổi và đang phát triển. Kinh tế trong nước năm qua cũng có nhiều khó khăn do những yếu kém nội tại từ nhiều năm trước, sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao, tình trạng thiên tai, lũ lụt. Những tác động bất lợi trên đây là những khó khăn, thách thức vô cùng lớn cho công tác điều hành CSTT của NHNN trong việc thực hiện mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Tuy nhiên, với sự chỉ đạo quyết liệt, sát sao và kiên định của Chính phủ và sự phối hợp chặt chẽ từ các bộ, ngành, NHNN đã bám sát mục tiêu của Quốc hội, Chính phủ và diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ để điều hành CSTT chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững; đảm bảo an toàn hoạt động của hệ thống các TCTD. Các giải pháp điều hành CSTT và hoạt động ngân hàng của NHNN cụ thể như sau:

Thứ nhất, việc kiểm soát tốt tiền tệ đã duy trì lạm phát cơ bản bình quân cả năm ở mức 1,48%, tạo dư địa để nền kinh tế có thể hấp thụ các cú sốc bất lợi từ bên ngoài và Chính phủ điều chỉnh giá các mặt hàng Nhà nước quản lý. CSTT phối hợp đồng bộ, hài hòa, nhịp nhàng với chính sách kinh tế vĩ mô khác, đặc biệt là chính sách tài khóa và chính sách quản lý giá của Nhà nước đã giúp kiểm soát lạm phát bình quân ở mức 3,54%, thấp hơn mục 4%. Kết quả này khẳng định niềm tin của thị trường vào khả năng kiểm soát lạm phát của Chính phủ và NHNN.

Thứ hai, việc điều hành CSTT đã góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế đạt 7,08%, cao nhất trong vòng 11 năm qua. Trong điều hành, NHNN đã có nhiều giải pháp để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, đảm bảo cung ứng vốn tín dụng cho nền kinh tế. Các giải pháp tín dụng tiếp tục hướng dòng vốn vào lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên theo chỉ đạo của Chính phủ; kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro gắn liền với nâng cao chất lượng tín dụng. Các khó khăn vướng mắc trong

quan hệ tín dụng tiếp tục được quan tâm tháo gỡ thông qua các chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp.

Thứ ba, việc điều hành đồng bộ các công cụ CSTT, nhất là thông qua nghiệp vụ thị trường mở đã điều tiết tiền tệ hợp lý, đảm bảo thanh khoản hệ thống và ổn định thị trường tiền tệ. Lãi suất liên ngân hàng duy trì ở mức phù hợp, vừa hỗ trợ ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối, vừa ổn định lãi suất thị trường và tạo điều kiện cho phát hành thành công trái phiếu Chính phủ với lãi suất giảm, kỳ hạn dài.

Thứ tư, mặt bằng lãi suất được duy trì ổn định trong bối cảnh lãi suất thị trường quốc tế có xu hướng gia tăng, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô. Điều này cho thấy sự nỗ lực của hệ thống ngân hàng góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. NHNN điều tiết và đáp ứng kịp thời nhu cầu thanh khoản cho các TCTD, duy trì mặt bằng lãi suất thị trường liên ngân hàng ở mức phù hợp; điều chỉnh giảm lãi suất chào mua thị trường mở, chỉ đạo các TCTD thường xuyên rà soát cân đối khả năng tài chính để tiết giảm chi phí, áp dụng mức lãi suất cho vay hợp lý nhằm chia sẻ khó khăn với khách hàng vay, đảm bảo an toàn tài chính trong hoạt động.

Thứ năm, mặc dù có áp lực nhất định nhưng tỷ giá và thị trường ngoại tệ cơ bản ổn định, NHNN tiếp tục mua được ngoại tệ bổ sung Dự trữ ngoại hối Nhà nước, các nhu cầu mua ngoại tệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ, kịp thời. Trong bối cảnh thị trường tài chính tiền tệ thế giới biến động phức tạp, chuyển biến nhanh, nhiều đồng tiền mới nổi mất giá mạnh, tác động tiêu cực đối với kinh tế vĩ mô, mức tăng nhẹ của tỷ giá VND/USD phản ánh sự linh hoạt trong điều hành chính sách tỷ giá của NHNN. Điều này góp phần củng cố niềm tin của thị trường đối với VND, tình trạng đô-la hóa, vàng hóa giảm, hỗ trợ tích cực cho chính sách tài khóa, chính sách thương mại và quá trình tái cơ cấu nợ công.

Thứ sáu, chủ động, quyết liệt chỉ đạo việc cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu, trong đó trọng tâm là xử lý các TCTD yếu kém và triển khai Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD. NHNN đã phê duyệt các phương án tái cơ cấu của các TCTD, chất lượng hoạt động của các TCTD được nâng cao, nợ xấu tiếp tục được kiểm soát và xử lý hiệu quả.

Song song với quá trình đó, NHNN tiếp tục triển khai có hiệu quả các hoạt động khác nhằm đạt mục tiêu CSTT và quản lý nhà nước về lĩnh vực ngân hàng như: đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt và tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn hoạt động thanh toán; thực hiện các giải pháp quản lý thị trường vàng; tăng cường cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh; đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông nhằm tạo sự đồng thuận ủng hộ của người dân; phát huy vai trò quản lý của NHNN chi nhánh trên địa bàn các tỉnh, thành phố; đổi mới và hoàn thiện công tác thống kê, tổ chức, đào tạo, nghiên cứu khoa học, thi đua khen thưởng; tích cực triển khai công tác giám sát tài chính... Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục thực hiện tốt vai trò đại diện tại các tổ chức tài

chính, tiền tệ quốc tế và tăng cường, phát triển, mở rộng các mối quan hệ song phương, đa phương với ngân hàng trung ương các nước, các tổ chức tài chính nhằm tranh thủ sự ủng hộ, hỗ trợ đối với Việt Nam trên trường quốc tế.

Với việc thực hiện chủ động, đồng bộ các giải pháp, CSTT và hoạt động ngân hàng năm 2018 tiếp tục đạt được những thành công trong bối cảnh kinh tế thế giới biến động phức tạp, khó lường. Kinh tế trong nước đã cho thấy sức chống chịu tốt trong môi trường bên ngoài biến động với tăng trưởng tốt (7,08% - cao nhất trong 11 năm trở lại đây), các cân đối vĩ mô được đảm bảo, môi trường kinh doanh cải thiện, dự trữ ngoại hối tăng, lạm phát được kiểm soát ở mức 3,54% - là năm thứ 5 liên tiếp được kiểm soát ở mức khoảng 4%. Kinh tế vĩ mô ổn định với triển vọng tăng trưởng khả quan, nhờ đó Moody's và Fitch Ratings nâng mức xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam.

Năm 2019, khó khăn, thách thức đặt ra cho ngành Ngân hàng còn rất lớn. Song với các nền tảng kinh tế vĩ mô vững chắc tạo lập được cùng kết quả đạt được trong các năm qua và sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành, địa phương, NHNN tiếp tục cố gắng nỗ lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ Đảng và Nhà nước giao phó trong năm 2019 và tạo ra những bước chuyển biến mạnh mẽ để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ theo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam



LÊ MINH HÙNG

CÁC VỤ, CỤC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Vụ Chính sách tiền tệ	Tham mưu, giúp Thống đốc quyết định việc sử dụng công cụ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, bao gồm tái cấp vốn, lãi suất, tỷ giá hối đoái, dự trữ bắt buộc, nghiệp vụ thị trường mở, phát hành tín phiếu NHNN và các công cụ, biện pháp khác để thực hiện CSTT quốc gia.
Vụ Quản lý ngoại hối	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngoại hối, hoạt động ngoại hối và hoạt động kinh doanh vàng theo quy định của pháp luật.
Vụ Thanh toán	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực thanh toán trong nền kinh tế quốc dân theo quy định của pháp luật.
Vụ Tín dụng các ngành kinh tế	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực tín dụng ngân hàng đối với các ngành kinh tế theo quy định của pháp luật.
Vụ Dự báo, thống kê	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện công tác dự báo, thống kê theo quy định của pháp luật.
Vụ Hợp tác quốc tế	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về hợp tác và hội nhập quốc tế thuộc phạm vi quản lý của NHNN theo quy định của pháp luật.
Vụ Ổn định tiền tệ - tài chính	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện công tác ổn định hệ thống tiền tệ, tài chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của NHNN.
Vụ Kiểm toán nội bộ	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát nội bộ hoạt động của các đơn vị thuộc NHNN.
Vụ Pháp chế	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước bằng pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối.
Vụ Tài chính – Kế toán	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện công tác tài chính, kế toán, đầu tư xây dựng công trình của NHNN; quản lý nhà nước về kế toán, tài chính, đầu tư xây dựng công trình của ngành Ngân hàng.
Vụ Tổ chức cán bộ	Tham mưu, giúp Thống đốc, Ban Cán sự Đảng NHNN thực hiện công tác tổ chức và biên chế; quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; chế độ tiền lương và các chế độ khác thuộc phạm vi quản lý của NHNN theo quy định của pháp luật.

<i>Vụ Thi đua – khen thưởng</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
<i>Vụ Truyền thông</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động truyền thông ngành Ngân hàng liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của NHNN.
<i>Văn phòng</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc trong công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động ngân hàng; thực hiện công tác cải cách hành chính của NHNN; quản lý hoạt động văn thư, lưu trữ của ngành Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
<i>Cục Công nghệ thông tin</i>	Giúp Thống đốc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành về lĩnh vực công nghệ thông tin trong phạm vi toàn ngành Ngân hàng và triển khai, ứng dụng công nghệ thông tin trong NHNN.
<i>Cục Phát hành và Kho quỹ</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước và chức năng Ngân hàng Trung ương về lĩnh vực phát hành và kho quỹ theo quy định của pháp luật.
<i>Cục Quản trị</i>	Giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý về tài sản công (không bao gồm tài sản đã giao đơn vị sự nghiệp tự chủ) được Thống đốc giao và công tác quản trị, phục vụ hậu cần của NHNN trên địa bàn thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh gồm: quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật, bảo vệ, an ninh, trật tự an toàn cơ quan, chăm lo đời sống, sức khỏe cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.
<i>Sở Giao dịch</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện các nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương.
<i>Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng</i>	Đơn vị tương đương Tổng cục, trực thuộc NHNN, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Thống đốc quản lý nhà nước đối với các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giám sát ngân hàng, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, phòng, chống rửa tiền, bảo hiểm tiền gửi; tiến hành thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành và giám sát ngân hàng trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của NHNN; thực hiện phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật và phân công của Thống đốc.
<i>Các chi nhánh tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối trên địa bàn và thực hiện một số nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương theo ủy quyền của Thống đốc.

CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP VÀ ĐƠN VỊ DO THỐNG ĐỐC QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP

*Viện Chiến lược
ngân hàng*

Nghiên cứu và xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành Ngân hàng; tổ chức nghiên cứu, triển khai và quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của ngành Ngân hàng phục vụ yêu cầu của NHNN và theo quy định của pháp luật.

*Trung tâm Thông tin
tín dụng Quốc gia
Việt Nam*

Là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc NHNN, thực hiện chức năng thu thập, xử lý, phân tích, lưu trữ thông tin tín dụng, đăng ký tín dụng; chấm điểm, xếp hạng tín dụng pháp nhân và thể nhân trên lãnh thổ Việt Nam; cung ứng sản phẩm dịch vụ thông tin tín dụng nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro tín dụng và phục vụ cho yêu cầu quản lý nhà nước của NHNN theo quy định của pháp luật.

Thời báo Ngân hàng

Là cơ quan ngôn luận, diễn đàn về xã hội và hoạt động ngân hàng, có chức năng tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và hoạt động của ngành Ngân hàng theo quy định của NHNN và của pháp luật.

Tạp chí Ngân hàng

Là cơ quan ngôn luận và diễn đàn về lý luận nghiệp vụ, khoa học và công nghệ ngân hàng; có chức năng tuyên truyền, phổ biến đường lối chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, hoạt động ngân hàng và những thành tựu về khoa học, công nghệ của ngành Ngân hàng và lĩnh vực liên quan theo quy định của NHNN và của pháp luật.

*Trường Bồi dưỡng cán bộ
ngân hàng*

Có chức năng đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng và chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của NHNN và của ngành Ngân hàng.

Học viện Ngân hàng

Có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ở trình độ cao đẳng, đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học về lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng và các ngành, chuyên ngành khác khi được cấp có thẩm quyền quy định.

Phần I – Kinh tế thế giới và Việt Nam

1. Tổng quan kinh tế thế giới

Năm 2018, đà tăng trưởng kinh tế toàn cầu tiếp tục được duy trì, tuy nhiên tốc độ có biểu hiện chậm lại trong nửa cuối năm. Trên bình diện toàn cầu, giá hàng hóa biến động phức tạp (giá dầu bình quân tăng 28,3%) trước căng thẳng leo thang của xung đột thương mại Mỹ-Trung, chủ nghĩa bảo hộ, áp lực lạm phát gia tăng tại nhiều khu vực, đồng USD tăng giá so với hầu hết các đồng tiền chủ chốt. Trong bối cảnh đó, ngân hàng trung ương các nước tiếp tục thu hẹp dần CSTT nới lỏng, kéo theo xu hướng gia tăng lãi suất và can thiệp ngoại tệ để ổn định tỷ giá tại nhiều nước mới nổi và đang phát triển.

1.1. Tăng trưởng kinh tế thế giới

Theo thống kê của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF),¹ tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2018 đạt 3,6%, thấp hơn mức 3,8% của năm 2017; lạm phát toàn cầu tăng từ mức 3,2% năm 2017 lên mức 3,6% năm 2018.

Kinh tế Mỹ tăng trưởng 2,9%, cao hơn mức 2,2% năm 2017, thị trường lao động phục hồi tích cực với tỷ lệ thất nghiệp giảm từ 4,1% năm 2017 xuống còn 3,9% vào cuối năm 2018, đáng chú ý có thời điểm giảm xuống mức thấp nhất gần 50 năm trở lại đây. Trong bối cảnh nền kinh tế duy trì đà tăng trưởng ổn định, thị trường lao động khả quan, Fed đã tăng lãi suất điều hành 04 lần lên mức 2,25-2,5%. Tuy nhiên, thâm hụt ngân sách kết thúc năm tài khóa 2018 ở mức cao nhất trong 6 năm, khoảng 779 tỷ USD, tương đương 3,9% GDP, tăng 17% so với năm tài khóa 2017 (thâm hụt ngân sách năm 2017 tương đương 3,5% GDP). Nợ công năm 2018 giảm nhẹ từ mức 106,2% GDP năm 2017 xuống còn khoảng 105,8% GDP. Lạm phát tăng từ 2,1% năm 2017 lên 2,4% năm 2018.

Kinh tế khu vực đồng Euro chậm lại, chỉ tăng trưởng 1,8%, giảm so với mức 2,4% năm 2017. Sản xuất công

“

Kinh tế thế giới năm 2018 tăng trưởng chậm lại kể từ giữa năm. Lạm phát toàn cầu gia tăng do giá hàng hóa thế giới (chủ yếu là dầu thô) có xu hướng tăng mạnh; tuy nhiên, lạm phát cơ bản nhìn chung vẫn ổn định.

¹ Báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu cập nhật tháng 4/2019, Quỹ Tiền tệ thế giới.

nghiệp và xuất khẩu giảm. Kinh tế các nước trong khu vực đều chững lại, cụ thể Đức: 1,5% (2017: 2,5%); Pháp: 1,5% (2017: 2,2%); Italy: 0,9% (2017: 1,6%); Tây Ban Nha: 2,5% (2017: 3,0%). Căng thẳng thương mại Mỹ-Trung, tiến trình đàm phán Brexit, dự thảo ngân sách của Italy, chủ nghĩa ly khai tại Tây Ban Nha, bất ổn chính trị tại Pháp đã làm chậm nhịp độ tăng trưởng của khu vực này. Mặc dù vậy tỷ lệ thất nghiệp của khu vực liên tục giảm, xuống mức thấp nhất trong 10 năm (7,8%). Nợ công được cải thiện, giảm từ mức 86,8% GDP năm 2017 xuống 84,96% GDP, tuy vậy nợ công một số nước trong khu vực tăng và vẫn ở mức cao (Hy Lạp 181,26% GDP; Italy 132,08% GDP). Lạm phát toàn khu vực tăng từ 1,5% năm 2017 lên 1,8% năm 2018.

Kinh tế Nhật Bản đối mặt với nhiều khó khăn, tăng trưởng chỉ đạt 0,8%, giảm mạnh so với mức 1,9% năm 2017. Tăng trưởng không ổn định qua các quý (QI: -0,4%; QII: 1,9%; QIII: -2,4%; QIV: 1,9%) trong đó quý III ghi nhận mức giảm mạnh nhất trong hơn 4 năm do đầu tư đi xuống, tiêu dùng và xuất khẩu đều sụt giảm. Năm 2018 là năm đầu tiên kể từ năm 2015, cán cân thương mại của Nhật Bản thâm hụt (-11 tỷ USD) khi xuất khẩu tăng chậm đáng kể do ảnh hưởng từ căng thẳng thương mại Mỹ-Trung - hai đối tác thương mại hàng đầu của nước này. Thâm hụt ngân sách ở mức 3,8% GDP. Nợ công tăng từ 235% GDP năm 2017 lên 237% GDP năm 2018. Lạm phát tăng từ mức 0,5% năm 2017 lên 1,0% năm 2018.

Các nước mới nổi và đang phát triển nhìn chung tăng trưởng ổn định. Tăng trưởng năm 2018 của nhóm nước này ở mức 4,5%, thấp hơn mức 4,8% của năm 2017. Trong khối BRICS, kinh tế Trung Quốc có mức tăng trưởng chậm nhất 28 năm gần đây, đạt 6,6% (2017: 6,8%) dưới sức ép từ áp lực thuế quan của Mỹ gia tăng và cầu tiêu dùng nội địa giảm sút. Lạm phát tăng nhanh trong những tháng đầu năm nhưng giảm xuống dưới mức 2% vào thời điểm cuối năm. Kinh tế Braxin duy trì tốc độ phục hồi kinh tế chậm như năm 2017, đạt khoảng 1,4% sau khi trải qua khủng hoảng kinh tế năm 2015-2016. Trong khi đó, kinh tế Nga thoát khỏi suy thoái và phục hồi mạnh mẽ với GDP năm 2018 tăng trưởng cao nhất kể từ năm



2012, đạt 2,3% (2017: 1,6%), Ấn Độ tăng trưởng ổn định ở mức 7,1% (2017: 7,2%). Nhóm các nước ASEAN duy trì ở mức khoảng 5,2% (2017: 5,4%). Lạm phát trung bình của nhóm các nước mới nổi và đang phát triển ở mức 4,8%, tăng so với mức 4,3% năm 2017.

Thương mại toàn cầu tăng chậm lại, ước đạt 3,8% (2017: 5,4%) chủ yếu do tác động của chủ nghĩa bảo hộ và căng thẳng thương mại Mỹ-Trung. Chỉ số thương mại toàn cầu giảm trong nửa cuối năm. Theo đánh giá của WTO, giá trị thương mại bị ảnh hưởng bởi các biện pháp bảo hộ của các nước G20 từ tháng 5-10/2018 đã tăng gấp 6 lần so với 6 tháng trước đó - là mức cao nhất từ năm 2012.

1.2. Điều hành chính sách tiền tệ của một số quốc gia

Chính sách tiền tệ các nước trong năm 2018 có xu hướng thận trọng và giảm các yếu tố nói lỏng hơn so với năm 2017. Tính đến hết năm 2018, có tới 87 lượt tăng lãi suất của các ngân hàng trung ương trên thế giới.

Đối với các nước phát triển, các ngân hàng trung ương phần lớn tiếp tục theo đuổi lộ trình bình thường hóa CSTT hậu khủng hoảng 2008, thu hẹp các điều kiện nói lỏng và tăng lãi suất. Fed tăng lãi suất điều hành 04 lần lên mức 2,25-2,5% trong bối cảnh kinh tế Mỹ duy trì đà tăng trưởng ổn định, lạm phát PCE được kiểm soát sát ngưỡng mục tiêu 2% và tỷ lệ thất nghiệp giảm về mức toàn dụng nhân công. ECB giữ nguyên mức lãi suất điều hành nhưng thu hẹp quy mô gói mua tài sản từ 60 về 30 tỷ Euro/tháng vào tháng 01 và chính thức chấm dứt vào cuối năm 2018. BoE duy trì quy mô chương trình mua tài sản nhưng tăng lãi suất 1 lần vào tháng 8/2018. BoC tăng lãi suất điều hành 03 lần. Ở chiều hướng ngược lại, BoJ và RBoA tiếp tục duy trì lãi suất ổn định để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Đối với các nước mới nổi và đang phát triển, trong bối cảnh mặt bằng lãi suất các nước phát triển được nâng lên, ngân hàng trung ương các nước mới nổi và đang phát triển cũng chọn giải pháp nâng lãi suất để tránh tình trạng dòng vốn đảo chiều và bảo vệ đồng nội tệ. Ngân hàng trung ương Nga nâng lãi suất 03 lần, Ấn Độ 02 lần,

“

Trong bối cảnh kinh tế thế giới duy trì đà tăng trưởng ổn định nhưng có những diễn biến bất thường ảnh hưởng đến thương mại toàn cầu, các ngân hàng trung ương trên toàn thế giới điều hành CSTT theo hướng chặt chẽ hơn.

Thổ Nhĩ Kỳ 03 lần, Mexico 03 lần, Phillipines 04 lần, Indonesia 05 lần, Argentina 05 lần... Ngược lại, PBoC lại điều hành CSTT theo hướng nới lỏng hơn khi đã hạ dự trữ bắt buộc 04 lần trong năm 2018, sử dụng các công cụ tái cấp vốn nhằm kích thích kinh tế trong bối cảnh căng thẳng thương mại Mỹ - Trung leo thang và tăng trưởng kinh tế chậm lại.

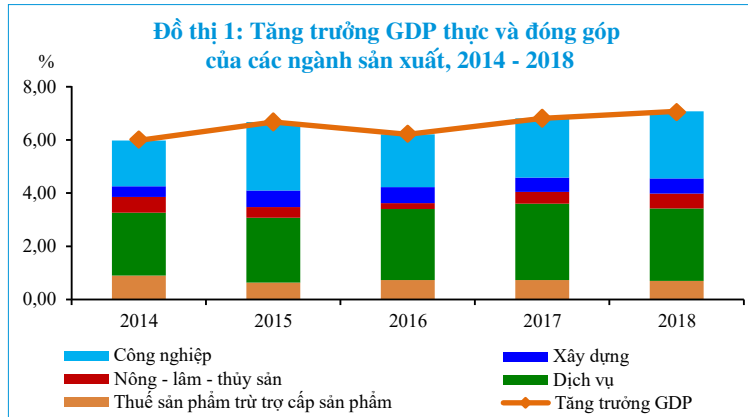
2. Kinh tế Việt Nam

Năm 2018, kinh tế - xã hội nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới biến động phức tạp và tiềm ẩn yếu tố khó lường. Tuy nhiên, với phương châm hành động “*Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, hiệu quả*”, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt các bộ, ngành và địa phương tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ. Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tiếp tục cắt giảm điều kiện kinh doanh, tạo môi trường thuận lợi cho việc thành lập và hoạt động của doanh nghiệp; tổ chức nhiều hội nghị chuyên đề, kết nối ngân hàng - doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất của các ngành, các địa phương; đẩy mạnh triển khai các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới nhằm tìm kiếm thị trường, thúc đẩy sản xuất trong nước, nỗ lực phấn đấu hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra. Nhờ đó, kinh tế Việt Nam có mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 11 năm qua, lạm phát tiếp tục được kiểm soát dưới mục tiêu của Quốc hội; các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, dịch vụ, xuất nhập khẩu, đầu tư nước ngoài, dự trữ ngoại hối... đều tăng cao. Kinh tế vĩ mô ổn định và triển vọng tăng trưởng khả quan là cơ sở để Moody's và Fitch Ratings nâng mức xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam (Moody's nâng từ B1 lên Ba3; Fitch Ratings nâng từ BB- lên BB với triển vọng ổn định). Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, nền kinh tế còn một số tồn tại, thách thức như quá trình cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng có chuyển biến nhưng còn chậm; năng suất lao động còn thấp, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao, biến đổi khí hậu, thiên tai, bão, lũ, dịch bệnh diễn biến phức

tập có thể ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và đời sống của nhân dân.

2.1. Tăng trưởng kinh tế

Theo lĩnh vực kinh tế, cả 3 ngành nông - lâm - thủy sản, công nghiệp và xây dựng tăng cao hơn cùng kỳ; dịch vụ giữ được mức tăng trưởng khá



Nguồn: Tổng cục Thống kê, tính toán của NHNN

Nông - lâm - thủy sản tăng 3,76%, mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2012-2018, chủ yếu do thời tiết thuận lợi, xu hướng chuyển đổi cơ cấu sản phẩm trong nội bộ ngành theo hướng đầu tư vào những sản phẩm có hàm lượng giá trị kinh tế cao; mở rộng xuất khẩu các mặt hàng thủy sản của Việt Nam tại các thị trường mới, tiềm năng.

Công nghiệp tăng 8,79%, là mức tăng cao nhất trong 3 năm gần đây, chủ yếu từ đóng góp của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giữ được mức tăng trưởng cao trong khi khai khoáng tiếp tục đà suy giảm -3,1% của năm 2017 (2017 giảm -7,1%). Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12,98%, thấp hơn so với mức tăng đột biến 14,4% của năm 2017 song cao hơn mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2012-2016 (tăng 10,09%) và là ngành có đóng góp lớn nhất vào mức tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế (2,55 điểm phần trăm). Hoạt động sản xuất chế biến - chế tạo tăng cao xuất phát từ việc đẩy nhanh tiến độ sản xuất xe ô tô và xe máy điện của tập đoàn Vingroup và hoạt động mở rộng sản xuất của Samsung và Formosa trong giai đoạn nửa cuối năm. Chỉ số sản xuất công nghiệp một số nhóm hàng tăng cao

“

Tăng trưởng kinh tế năm 2018 đạt 7,08%, cao nhất trong vòng 11 năm trở lại đây, vượt mục tiêu 6,7%, do nông - lâm - thủy sản, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng cao, dịch vụ giữ được mức tăng trưởng khá. Xuất khẩu (ròng) là yếu tố chính đóng góp vào tăng trưởng kinh tế năm 2018 với xuất siêu kỷ lục, cầu nội địa cải thiện. Kinh tế vĩ mô ổn định, chất lượng tăng trưởng, hiệu quả đầu tư được cải thiện, năng suất lao động từng bước nâng cao.

như: nhóm sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học 11,29% (2017: 32,71%); sản xuất kim loại 25,11% (2017: 17,6%), than cốc và dầu mỏ tinh chế 65,54%, xe có động cơ 16,77% (2017: 0,18%).

Xây dựng tăng 9,16%, cao hơn mức 8,7% của năm 2017 do nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng và nhu cầu về nhà ở tăng cao. Tổng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện năm 2018 tăng 12,5%, cao hơn mức tăng 7,2% của cùng kỳ năm 2017, chủ yếu nhờ vốn đầu tư. Vốn đầu tư của khu vực tư nhân có sự phát triển mạnh mẽ từ chính sách ưu đãi, hỗ trợ tạo điều kiện cho doanh nghiệp tư nhân đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, kết quả vốn đầu tư của khu vực tư nhân tăng 18,5%, mức tăng cao trong nhiều năm qua.

Dịch vụ tiếp tục duy trì xu hướng mở rộng, tăng 7,03%, mặc dù thấp hơn mức 7,44% cùng kỳ năm 2017, song vẫn cao hơn mức tăng trưởng trung bình 6,83% giai đoạn 2011-2017; trong đó, bán buôn và bán lẻ tăng 8,51% so với cùng kỳ năm 2017, là ngành có tốc độ tăng cao nhất trong khu vực dịch vụ, đồng thời là ngành có đóng góp lớn thứ hai vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế (0,92 điểm phần trăm); dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 6,78% (số lượng khách quốc tế đến Việt Nam trong năm ước tính đạt 15,5 triệu lượt người, tăng 19,9% so với năm 2017); hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,21%; hoạt động kinh doanh bất động sản tiếp tục cải thiện, tăng 4,33%. Tỷ trọng ngành dịch vụ so với GDP mở rộng từ mức 38,3% năm 2015 lên mức 39% năm 2018.

Về tổng cầu, xuất khẩu ròng có đóng góp dương vào tăng trưởng sau nhiều năm đóng góp âm nhờ xuất siêu đạt kỷ lục. Cầu nội địa cải thiện, trong đó tiêu dùng, đầu tư của khu vực tư nhân tăng khả quan

Tiêu dùng cuối cùng tăng 7,17%, thấp hơn mức tăng 7,35% cùng kỳ nhưng vẫn tăng cao hơn mức trung bình 7,07% của 5 năm gần đây. Trong khi tiêu dùng khu vực tư nhân duy trì đà tăng 7,26% (2017: 7,35%) thì tiêu dùng khu vực nhà nước tăng chậm lại 6,28% (2017: 7,34%).



Tổng tích lũy tài sản tăng 8,22%, mức tăng thấp nhất trong 4 năm gần đây, chủ yếu do chi đầu tư phát triển tăng thấp 14,5% (2017: 23,3%). Nguyên nhân do chi xây dựng cơ bản (bao gồm cả Trái phiếu Chính phủ) chững lại trong 2 tháng đầu năm 2018; đồng thời, tiến độ giải ngân vốn xây dựng cơ bản từ ngân sách còn chậm.

Xuất khẩu ròng có đóng góp dương vào mức tăng trưởng kinh tế chung (đóng góp 0,73 điểm phần trăm) sau 4 năm liên tiếp có mức đóng góp âm. Trong đó, xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,27%, đóng góp 17,07 điểm phần trăm (2017: 16,74%, đóng góp 18,33 điểm phần trăm), nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 12,81%, đóng góp 16,34 điểm phần trăm (2017 tăng 17,5%, đóng góp 20,3 điểm phần trăm).

2.2. Lao động, thu nhập

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước năm 2018 ước tính 55,4 triệu người, tăng 566,2 nghìn người so với năm 2017; bao gồm: lao động nam 28,98 triệu người, chiếm 52,3%; lao động nữ 26,4 triệu người, chiếm 47,7%. Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi là 2,0% (2017: 2,24%; 2016: 2,30%; 2015: 2,33%), trong đó khu vực thành thị là 2,95% (2017: 3,18%; 2016: 3,23%; 2015: 3,37%); khu vực nông thôn là 1,55% (2017: 1,78%; 2016: 1,84%; 2015: 1,82%). Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi thanh niên (từ 15-24 tuổi) là 7,06% (2017: 7,51%), trong đó khu vực thành thị là 10,56% (2017: 11,75%); khu vực nông thôn là 5,73% (2017: 5,87%).

Hiệu quả đầu tư và chất lượng tăng trưởng tiếp tục được cải thiện: (i) Hiệu quả đầu tư được cải thiện, nhiều năng lực sản xuất mới được bổ sung cho nền kinh tế. Chỉ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (Hệ số ICOR) giảm từ 6,42 năm 2016 xuống 6,11 năm 2017 và 5,97 năm 2018; bình quân giai đoạn 2016-2018 ở mức 6,17 (bình quân giai đoạn 2011-2015: 6,25); (ii) Chất lượng tăng trưởng kinh tế được cải thiện. Năm 2018, đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GDP đạt 43,50%; bình quân 2016-2018 đạt 43,29%, cao hơn nhiều so với mức bình quân 33,58% giai đoạn 2011-2015. Năng suất lao động toàn nền kinh tế theo giá hiện hành

“

Tỷ lệ thất nghiệp giảm ở cả khu vực thành thị và nông thôn, thu nhập bình quân đầu người năm 2018 ước đạt 58,5 triệu đồng, tương đương 2.587 USD, tăng 198 USD so với năm 2017.

ước tính đạt 102 triệu đồng/lao động (tương đương 4.512 USD/lao động, tăng 346 USD so với năm 2017), tăng 5,93% so với năm 2017 (2016: 5,29%) do lực lượng lao động được bổ sung và số lao động có việc làm tăng cao.

Quy mô nền kinh tế năm 2018 theo giá hiện hành đạt 5.535,3 nghìn tỷ đồng; GDP bình quân đầu người ước đạt 58,5 triệu đồng, tương đương 2.587 USD, tăng 198 USD so với năm 2017. Đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, mức lương cơ sở được điều chỉnh theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 tăng từ 1,3 triệu đồng/tháng lên 1,39 triệu đồng/tháng kể từ ngày 01/7/2018; mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình... được tăng theo Nghị định số 141/2017/NĐ-CP ngày 07/12/2017 áp dụng từ ngày 01/01/2018. Theo đó, mức lương của người lao động được phân theo 04 vùng, tương ứng 3,98 triệu đồng/tháng; 3,53 triệu đồng/tháng; 3,09 triệu đồng/tháng và 2,76 triệu đồng/tháng.

2.3. Diễn biến lạm phát

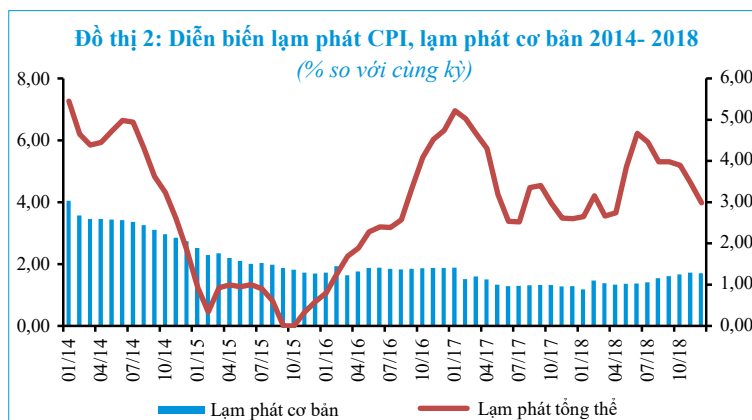


Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2018 tăng 3,5%, tương đương mức tăng năm 2017, thấp hơn so với mức mục tiêu 4% của Quốc hội đề ra, chủ yếu do giá thực phẩm, nhiên liệu tăng và việc điều chỉnh giá Nhà nước quản lý. Lạm phát cơ bản tiếp tục ổn định, ở mức 1,5%.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2018 tăng 3,5% so với năm 2017, tương đương mức tăng của năm 2017 và thấp hơn mức mục tiêu 4% của Quốc hội đề ra. Lạm phát bình quân giai đoạn 2015-2018 thấp hơn đáng kể so với mức tăng của giai đoạn 2011-2014. Lạm phát năm 2018 tăng chủ yếu tập trung ở một số nguyên nhân đặc thù. *Thứ nhất*, giá dịch vụ y tế và dịch vụ giáo dục năm 2018 tiếp tục được điều chỉnh tăng theo lộ trình; theo đó, chỉ số giá nhóm Dịch vụ y tế tăng 13,9% (2017 tăng 57,9%), chỉ số giá nhóm Dịch vụ giáo dục tăng 7,1% (2017 tăng 10,4%), góp phần tăng đáng kể lạm phát. *Thứ hai*, giá nhiên liệu thế giới tăng mạnh trong ba quý đầu năm làm tăng giá xăng dầu và giá gas trong nước, khiến tốc độ tăng chỉ số giá của nhóm Nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 3,3% (2017 tăng 4,3%) và nhóm Giao thông tăng 6,4% (2017 tăng 6,8%). *Thứ ba*, giá thực phẩm tươi sống phục hồi sau khi giảm sâu trong năm 2017, khiến chỉ số giá nhóm Thực phẩm tăng 3,5% (2017 giảm 2,6%), đóng góp lớn nhất vào mức tăng lạm phát cả năm. *Thứ tư*, tình hình thiên tai, thời tiết bất lợi (mưa bão, lũ quét)

ảnh hưởng đến nguồn cung và làm tăng giá hàng hóa ở một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong những tháng cuối năm.

Về diễn biến lạm phát, tốc độ tăng lạm phát bình quân so với cùng kỳ có chiều hướng tăng nhanh trong 5 tháng đầu năm nhưng đã chậm lại đáng kể từ tháng 6, góp phần kiềm chế lạm phát bình quân năm 2018 thấp hơn so với mục tiêu 4% của Quốc hội, chủ yếu do CSTT được điều hành chủ động, linh hoạt, thận trọng để kiểm soát ổn định lạm phát cơ bản bình quân ở mức 1,5% (2017: 1,4%). Đồng thời, chính sách quản lý giá của Nhà nước cũng lựa chọn thời điểm, liều lượng điều chỉnh phù hợp giá các mặt hàng, dịch vụ Nhà nước quản lý, qua đó phối hợp chặt chẽ với CSTT trong việc kiểm soát lạm phát theo mục tiêu.



Nguồn: Tổng cục Thống kê

2.4. Thu chi Ngân sách Nhà nước

Tổng thu cân đối Ngân sách Nhà nước năm 2018 vượt 8% so với dự toán, đạt khoảng 25,7% GDP (2017: vượt 6,7% dự toán và bằng 25,8% GDP). Thu vượt dự toán chủ yếu nhờ đóng góp nguồn thu từ nhà, đất; thu từ vốn, cổ tức và lợi nhuận còn lại của doanh nghiệp nhà nước; thu từ dầu thô. Thu nội địa chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng thu ngân sách (80,6%) và vượt dự toán 4,5% (2017: 4,9%). Thu dầu thô vượt dự toán do giá dầu thô cao hơn dự toán, đạt 184% (2017: đạt 129,5%). Thu từ xuất nhập khẩu đạt 113,2% dự toán (2017: đạt 109,6% dự toán).

“

Năm 2018, thu và chi Ngân sách Nhà nước đều vượt dự toán, góp phần đáng kể hoàn thành nhiệm vụ chi cho phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội. Tiến độ thu cao

hơn tiến độ chi khiến bội chi Ngân sách Nhà nước thấp hơn dự toán.

Tổng chi cân đối Ngân sách Nhà nước vượt dự toán 6,1% (2017: giảm 2,5% so với dự toán). Trong đó, chi đầu tư phát triển vượt 2,9% dự toán (2017: vượt 4,4%); chi thường xuyên vượt 1,4% dự toán (2017: giảm 2,3% dự toán).

Bội chi Ngân sách Nhà nước thấp hơn dự toán xét về giá trị tuyệt đối, đạt 191.500 tỷ đồng và bằng 3,46% GDP (2017: 2,74% GDP).

2.5. Cán cân thanh toán



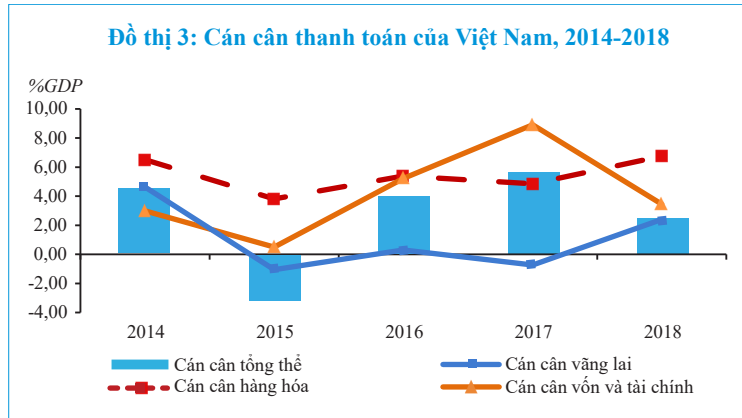
Cán cân thanh toán tổng thể tiếp tục thặng dư và là năm thứ 3 liên tiếp thặng dư do kinh tế trong nước tăng trưởng tốt, cán cân thương mại thặng dư cao, các luồng vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục tăng, tạo điều kiện thuận lợi tăng Dự trữ ngoại hối Nhà nước.

Cán cân thanh toán tổng thể năm 2018 thặng dư 6,03 tỷ USD. Đây là năm thứ 3 liên tiếp cán cân thanh toán tổng thể thặng dư. Mặc dù năm 2018, thị trường chứng khoán biến động không thuận lợi, đồng USD tăng giá trên thị trường thế giới, tạo áp lực đối với tỷ giá và thị trường ngoại hối trong nước, nhưng kinh tế trong nước vẫn tăng trưởng tốt, cán cân thương mại thặng dư cao, các luồng vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục vào Việt Nam nên cân đối cung cầu ngoại tệ trong nước được điều hòa ổn định. Nhờ đó, trong năm 2018, NHNN đã mua được ngoại tệ từ các TCTD để tăng Dự trữ ngoại hối Nhà nước.

Cán cân vãng lai thặng dư 5,9 tỷ USD (tương đương 2,4% GDP) do hầu hết các cán cân bộ phận đều diễn biến thuận lợi. Đặc biệt, cán cân hàng hóa thặng dư cao hơn dự kiến, chuyển tiền kiều hối phục hồi và thu từ dịch vụ du lịch tăng khá là những yếu tố đóng góp vào thặng dư cán cân vãng lai. Cán cân hàng hóa năm 2018 thặng dư 16,5 tỷ USD, tăng so với mức thặng dư 10,85 tỷ USD năm 2017. Cán cân thương mại² năm 2018 cũng thặng dư 6,83 tỷ USD và là năm thứ 3 liên tiếp cán cân thương mại duy trì trạng thái dương (2016: 1,78 tỷ USD; 2017: 2,11 tỷ USD). Tổng giá trị hàng hóa xuất nhập khẩu cả nước đạt xấp xỉ 480,6 tỷ USD, tăng hơn 52,4 tỷ USD so với năm 2017. Cán cân dịch vụ thâm hụt 3,68 tỷ USD, trong đó xuất khẩu dịch vụ đạt 14,8 tỷ USD, nhập khẩu dịch vụ đạt 18,48 tỷ USD, lần lượt tăng 13,2% và 8% so với cùng kỳ năm 2017. Cán cân thu nhập thâm hụt 15,8 tỷ USD năm 2018, giảm 6,9% so với mức thâm hụt của năm 2017.

² Cán cân thương mại là chênh lệch giữa xuất khẩu giá FOB và nhập khẩu giá CIF.

Chuyển giao vãng lai thặng dư 8,86 tỷ USD, tăng 3,9% so với mức thặng dư 8,53 tỷ USD của năm 2017.



Nguồn: NHNN

Cán cân vốn và tài chính thặng dư 8,46 tỷ USD, giảm 57,5% so với mức thặng dư 19,9 tỷ USD của năm 2017 chủ yếu do các luồng vốn FDI, vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài tăng trưởng tốt. FDI ròng thặng dư 14,9 tỷ USD, tăng 9,4% so với mức thặng dư 13,6 tỷ USD của năm 2017. Trong bối cảnh thị trường chứng khoán thế giới diễn biến phức tạp, chiến tranh thương mại Mỹ-Trung ngày càng căng thẳng, Mỹ tăng lãi suất 04 lần, các dòng vốn đầu tư gián tiếp có xu hướng thoát khỏi các thị trường mới nổi, nhưng vốn đầu tư gián tiếp ròng vào Việt Nam năm 2018 thặng dư, đạt 3,02 tỷ USD, tăng 46% so với mức thặng dư 2,07 tỷ USD năm 2017. Vay nợ nước ngoài ròng đạt 1,88 tỷ USD, giảm so với mức 10,75 tỷ USD của năm 2017 do doanh nghiệp tăng cường trả nợ ngắn hạn. Tiền và tiền gửi thâm hụt 11 tỷ USD, tăng so với mức thâm hụt 6,4 tỷ USD năm 2017.

2.6. Diễn biến tài chính tiền tệ

Diễn biến tiền tệ

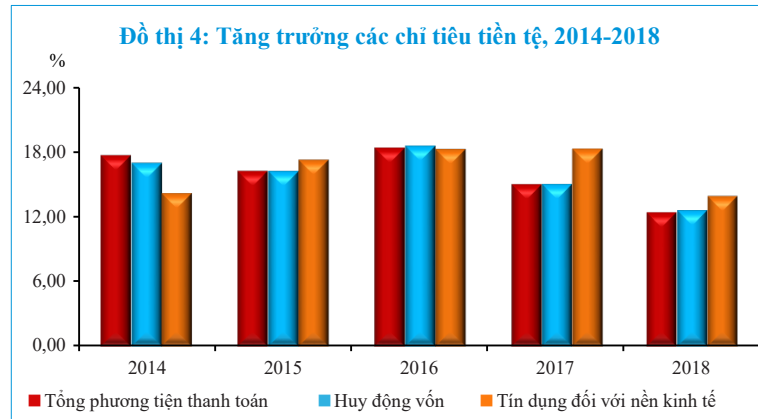
Tính đến cuối năm 2018, tổng phương tiện thanh toán (M2) tăng 12,41% so với cuối năm 2017, thấp hơn mức tăng 15% của năm 2017, chủ yếu do tài sản có nước ngoài ròng (NFA) và tài sản có trong nước (NDA) đều tăng thấp hơn cùng kỳ năm 2017. Cụ thể, NDA tăng 10,7% (2017: 12,19%) do khoản mục đầu tư đối với nền kinh tế (CE) tăng chậm lại 12,72% (2017: 17,42%) mặc dù

“

Tổng phương tiện thanh toán tăng trưởng hợp lý, góp phần kiểm soát lạm phát. Huy động vốn tăng chậm lại;

tín dụng đối với nền kinh tế tăng thấp hơn năm 2017, phù hợp với chủ trương, định hướng điều hành CSTT và góp phần tích cực hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Cho vay Chính phủ ròng (NCG) giảm chậm hơn -14,95% (2017: -23,98%) khi hoạt động huy động vốn của Kho bạc Nhà nước diễn biến tích cực nhưng giải ngân vốn chậm khiến tiền gửi Kho bạc Nhà nước tăng cao tại hệ thống ngân hàng. Tín dụng tăng trưởng chậm lại phù hợp với chủ trương, định hướng kiểm soát tín dụng chặt chẽ ngay từ đầu năm của NHNN. NCG tiếp tục xu hướng giảm khi giải ngân chi đầu tư phát triển còn chậm, chi thường xuyên được kiểm soát chặt chẽ, dẫn đến số dư tiền gửi Kho bạc Nhà nước cao tại hệ thống ngân hàng. NFA tăng chậm lại 21,8% (2017: 33,29%) do tài sản có nước ngoài tăng 17,36%, thấp hơn mức tăng 32,4% của năm 2017.



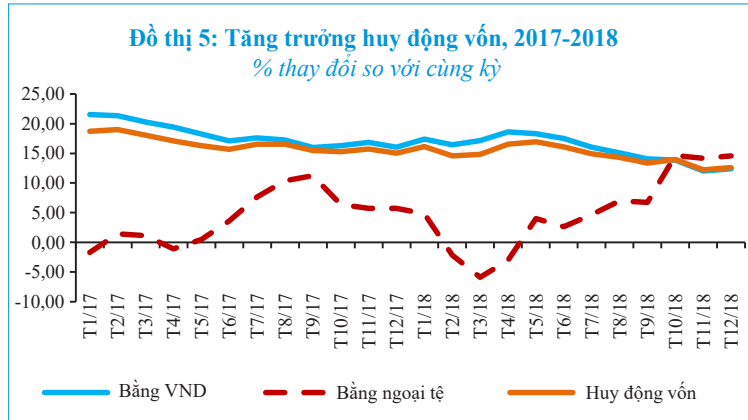
Nguồn: NHNN

Huy động vốn của hệ thống ngân hàng tiếp tục tăng chậm lại

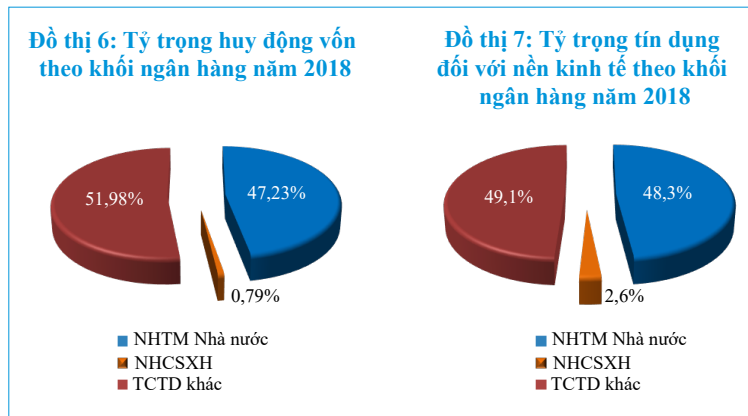
Tăng trưởng huy động toàn hệ thống năm 2018 đạt 12,61%, thấp hơn so với mức 15,02% của năm 2017; trong đó, huy động VND tăng 12,41% (2017: 16,04%), huy động ngoại tệ tăng mạnh 14,57% (2017: 5,74%). Mặc dù huy động ngoại tệ tăng nhưng tỷ lệ huy động ngoại tệ trên tổng phương tiện thanh toán (FCD/M2) ở mức 8,16%, thấp hơn so với mức bình quân 10,18% giai đoạn 2013-2017 và mức bình quân 18,08% giai đoạn 2007-2012.

Tỷ trọng huy động vốn của nhóm NHTM Nhà nước đảo chiều giảm nhẹ và chuyển sang tăng ở nhóm TCTD khác, tỷ trọng đối với Ngân hàng Chính sách Xã hội giữ nguyên, cụ thể: Huy động vốn của nhóm NHTM Nhà nước (không bao gồm Ngân hàng Chính sách Xã hội) chiếm 47,23% tổng huy động toàn hệ thống (2017:

47,70%); nhóm các TCTD khác³ chiếm 51,98% (2017: 51,50%); Ngân hàng Chính sách Xã hội chiếm 0,79% trong tổng huy động toàn ngành.



Nguồn: NHNN



Nguồn: NHNN

Tín dụng đối với nền kinh tế tăng thấp hơn năm 2017, phù hợp với chủ trương, định hướng điều hành CSTT, góp phần tích cực hỗ trợ tăng trưởng kinh tế

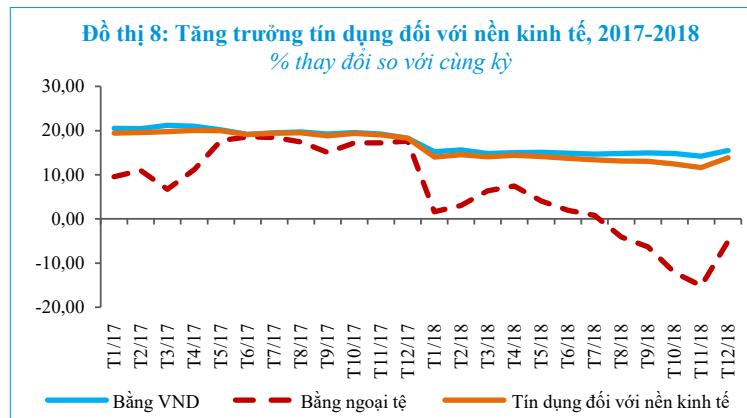
Năm 2018, tín dụng đối với nền kinh tế⁴ tăng 13,89% so với cuối năm 2017 (2017: 18,28%); trong đó, tín dụng VND tăng 15,50% và tín dụng ngoại tệ giảm 5,07%. Tín dụng ngoại tệ được kiểm soát phù hợp với lộ trình hạn chế đô-la hóa nền kinh tế; tỷ lệ tín dụng ngoại tệ trên tổng phương tiện thanh toán giảm mạnh từ mức 18,09% năm 2011 xuống 6,74%

³ Gồm NHTM cổ phần, TCTD phi ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân, NHTM 100% vốn nước ngoài, NHTM liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

⁴ Dư nợ tín dụng không bao gồm số dư cấp tín dụng theo hợp đồng nhận ủy thác và số dư trái phiếu đặc biệt VAMC.

năm 2016 và 5,11% năm 2018. Tín dụng đối với nền kinh tế được tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đặc biệt đối với các khu vực nông nghiệp - nông thôn, công nghiệp chế biến, chế tạo...

Về cơ cấu tín dụng đối với nền kinh tế theo khối ngân hàng, tỷ trọng dư nợ tín dụng có xu hướng tăng nhẹ đối với khối TCTD khác trong khi giảm ở khối NHTM Nhà nước và Ngân hàng Chính sách Xã hội: Dư nợ tín dụng của nhóm NHTM Nhà nước (không bao gồm Ngân hàng Chính sách Xã hội) chiếm 48,30% tổng dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế (2017: 49,05%); Ngân hàng Chính sách Xã hội chiếm 2,60% (2017: 2,71%); nhóm các TCTD khác chiếm 49,1% (2017: 48,23%).



Nguồn: NHNN

Diễn biến lãi suất

Lãi suất VND

“

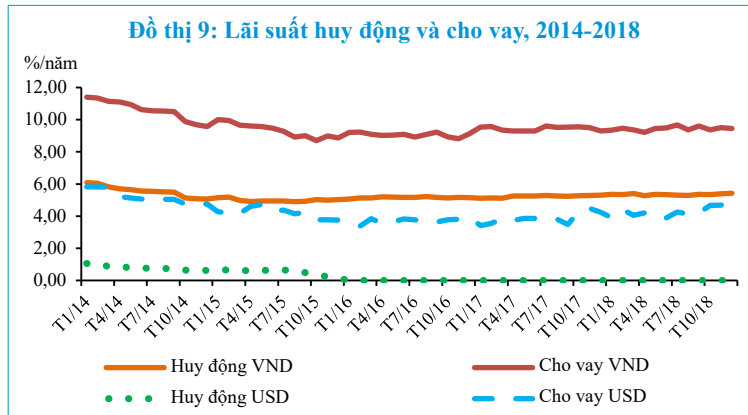
Mặt bằng lãi suất thị trường tiếp tục ổn định trong bối cảnh lãi suất trên thế giới có xu hướng gia tăng.

Năm 2018, mặt bằng lãi suất về cơ bản được duy trì ổn định trong bối cảnh lãi suất trên thế giới có xu hướng gia tăng. Đến cuối năm 2018, mặt bằng lãi suất huy động phổ biến ở mức 4,5-5,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng; 5,5-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng khoảng 6,6-7,3%/năm. Lãi suất cho vay của các TCTD phổ biến ở mức khoảng 6-9%/năm đối với ngắn hạn, trung-dài hạn khoảng 9-11%/năm.

Lãi suất USD

Lãi suất USD diễn biến phù hợp với chủ trương của Chính phủ và định hướng điều hành của NHNN về hạn

chế độ-la hóa nền kinh tế và tình trạng găm giữ ngoại tệ, hỗ trợ ổn định tỷ giá. Đến cuối năm 2018, lãi suất huy động USD của các TCTD ở mức 0%/năm theo quy định của NHNN; lãi suất cho vay USD phổ biến ở mức 2,8-6,0%/năm; trong đó lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 2,8-4,7%/năm và lãi suất cho vay trung, dài hạn ở mức 4,5-6,0%/năm.



Nguồn: NHNN

Ghi chú: Lãi suất tiền gửi và cho vay là lãi suất bình quân

Thị trường tiền tệ liên ngân hàng

Thị trường liên ngân hàng tiếp tục xu hướng mở rộng về quy mô, đặc biệt là hoạt động cho vay, gửi tiền bằng USD

Tổng doanh số cho vay, gửi tiền trên thị trường liên ngân hàng bằng VND đạt 8.765 nghìn tỷ đồng, bằng USD quy đổi VND là 4.791 nghìn tỷ đồng, lần lượt tăng 11,5% và 31,4% so với tổng doanh số của năm 2017. Doanh số mua bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thấp hơn doanh số cho vay, gửi tiền nhưng có cùng xu hướng tăng trưởng khi tăng từ mức 1.047 nghìn tỷ đồng năm 2017 lên 1.139 nghìn tỷ đồng năm 2018, tương đương tăng 8,9%.

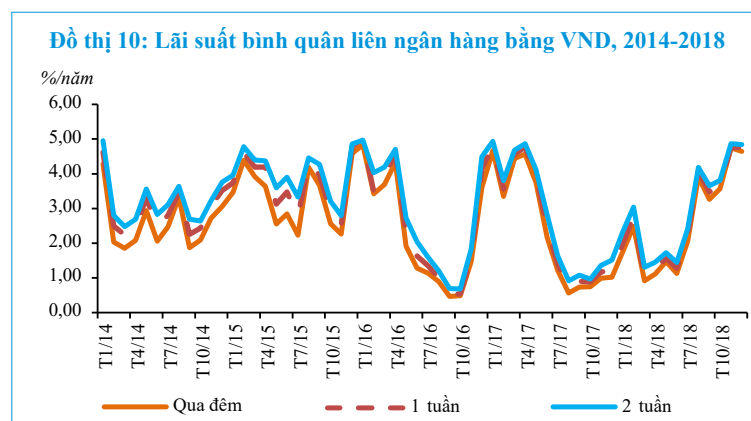
Xét theo kỳ hạn, các giao dịch trên thị trường liên ngân hàng năm 2018 tiếp tục phát sinh chủ yếu ở các kỳ hạn dưới 1 tháng, tập trung nhiều vào kỳ hạn qua đêm, 1 tuần. Doanh số giao dịch qua đêm bằng VND cả năm đạt 4.302 nghìn tỷ đồng, bằng USD quy đổi VND đạt 2.976 nghìn tỷ đồng, lần lượt chiếm 49,1% và 62,1% so với tổng doanh số giao dịch cả năm.

“

Lãi suất liên ngân hàng duy trì ở mức hợp lý, quy mô giao dịch tiếp tục được mở rộng.

Lãi suất liên ngân hàng duy trì ở mức hợp lý

Năm 2018, mặt bằng lãi suất giao dịch trên thị trường liên ngân hàng cao hơn năm 2017 nhưng duy trì ở mức hợp lý, thanh khoản thị trường được đảm bảo. Bình quân cả năm 2018, lãi suất kỳ hạn qua đêm, 1 tuần, 2 tuần lần lượt ở mức 2,60%/năm, 2,76%/năm và 2,93%/năm.



Nguồn: NHNN

Diễn biến thị trường ngoại tệ

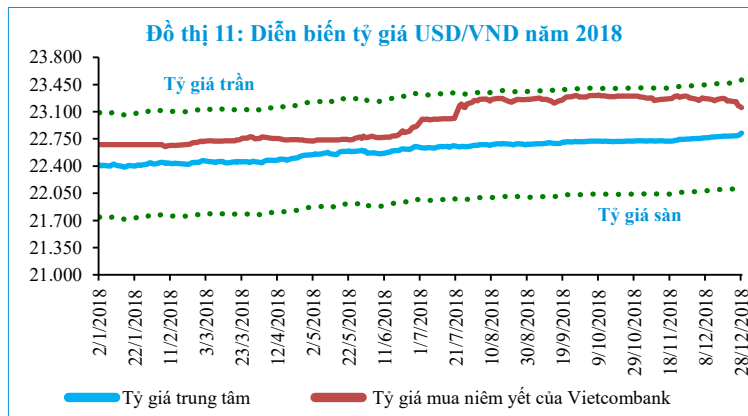
“

Mặc dù bối cảnh thị trường quốc tế biến động nhanh và phức tạp, thị trường ngoại tệ trong nước năm 2018 tương đối ổn định nhờ nền tảng kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định và các giải pháp điều hành CSTT chủ động, linh hoạt của NHNN.

Mặc dù bối cảnh thị trường quốc tế thay đổi nhanh chóng, thuận lợi trong nửa đầu năm, chịu áp lực liên tục nửa cuối năm nhưng nhìn chung tỷ giá và thị trường ngoại tệ trong nước diễn biến tương đối ổn định, phù hợp với điều kiện thị trường. Trong hơn 5 tháng đầu năm, trước xu hướng giảm giá của đồng USD trên thị trường quốc tế, nguồn cung ngoại tệ trong nước tương đối dồi dào, tỷ giá giao dịch trên thị trường nhìn chung ổn định, NHNN mua được lượng lớn ngoại tệ bổ sung dự trữ ngoại hối. Tuy nhiên, sang nửa cuối năm, thị trường ngoại tệ chịu áp lực từ những yếu tố bất lợi như: (i) Đồng USD quốc tế tăng giá mạnh với diễn biến khả quan của kinh tế Mỹ cũng như xu hướng trái chiều trong CSTT giữa Fed và các ngân hàng trung ương lớn khác; (ii) Xung đột thương mại Mỹ - Trung leo thang tác động tiêu cực đến tâm lý thị trường cũng như hoạt động đầu tư, sản xuất; (iii) Đồng CNY và các đồng tiền của một số quốc gia mới nổi mất giá mạnh (Thổ Nhĩ Kỳ, Argentina,...) gia tăng quan ngại về khủng hoảng kinh tế, tiền tệ tại các quốc gia mới nổi và đang phát triển; (iv) Thị trường chứng khoán nhiều nước giảm mạnh, gia tăng rủi ro tiêu cực đối với tăng trưởng

kinh tế, thu hẹp điều kiện tài chính toàn cầu. Theo đó, tỷ giá thị trường có xu hướng tăng nhanh, có thời điểm lên đến trên 23.350 VND/USD.

Mặc dù chịu áp lực lớn trong nửa cuối năm nhưng nhìn chung, trong năm 2018, tỷ giá và thị trường ngoại tệ trong nước ổn định (đến cuối năm 2018, tỷ giá trung tâm tăng khoảng 1,78% so với cuối năm 2017, tỷ giá giao dịch USD/VND trên thị trường tăng khoảng 2,16%). Thanh khoản thị trường thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ, NHNN mua ròng ngoại tệ để tăng quy mô Dự trữ ngoại hối Nhà nước. Thị trường ổn định là nhờ sự đóng góp từ nền tảng kinh tế vĩ mô diễn biến thuận lợi, cùng với việc NHNN điều hành đồng bộ, linh hoạt các công cụ CSTT để ổn định thị trường ngoại tệ; cơ chế tỷ giá trung tâm tiếp tục phát huy hiệu quả trong việc hấp thụ các cú sốc bên ngoài và giảm tình trạng đầu cơ, găm giữ ngoại tệ.



Nguồn: NHNN

Diễn biến giá vàng

Giá vàng trong nước diễn biến tương đối ổn định và biến động trong biên độ hẹp ngay cả khi giá vàng thế giới diễn biến phức tạp. Tại thời điểm cuối năm 2018, giá vàng trong nước ở mức 36,34/36,54 triệu đồng/lượng, giảm khoảng 0,5% so với đầu năm 2018.

Thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán năm 2018 chứng kiến nhiều đợt tăng giảm mạnh đan xen do nhiều yếu tố đến từ trong và ngoài nước. Sau khi tăng vượt mốc lịch sử vào

“

Giá vàng trong nước diễn biến tương đối ổn định và biến động trong biên độ hẹp.



Thị trường chứng khoán biến động tương đối mạnh, điều chỉnh giảm điểm so với năm 2017.

tháng 4, thị trường bước vào xu hướng điều chỉnh mạnh và không duy trì được đà tăng như năm 2017. So với cuối năm 2017, chỉ số VN-index đạt 892,54 điểm, HNX-index đạt 104,23 điểm, UPCoM-index đạt 52,83 điểm, lần lượt giảm 9,31%, 10,31% và 3,7%. Giá trị vốn hóa toàn thị trường cổ phiếu đạt 3.957 nghìn tỷ đồng (tương đương 71,49% GDP; 2017: 70,18%), tăng 12,6% so với cuối năm 2017. Về thanh khoản thị trường, trong năm 2018 giá trị giao dịch trên cả 3 sàn đều được cải thiện đáng kể, tuy sự đóng góp chính chủ yếu ở quý 1 và một số ngày giao dịch đột biến. Giá trị giao dịch trung bình hàng ngày trên 3 sàn HOSE, HNX và UPCoM lần lượt đạt 5.500, 795 và 375 tỷ đồng, tăng tương ứng 31,87%, 23,45% và 55,6% so với trung bình năm 2017. Trong năm 2018, nhà đầu tư nước ngoài mua ròng khoảng 42,700 tỷ đồng, giảm nhẹ so với mức 46.000 tỷ đồng năm 2017. Thị trường chứng khoán phái sinh tăng trưởng mạnh về quy mô, giá trị giao dịch danh nghĩa của thị trường phái sinh đến tháng 10/2018 đạt gần 17.000 tỷ đồng/phiên so với mức 2.500 tỷ đồng/phiên kết thúc năm 2017. Số lượng tài khoản giao dịch phái sinh tăng gấp 3,2 lần so với cuối năm 2017.

2.7. Hoạt động của các tổ chức tín dụng

Bảng 1: Hệ thống các tổ chức tín dụng của Việt Nam (đến 31/12/2018)

STT	Loại hình	2017	2018
1	NHTM Nhà nước	7	7
2	Ngân hàng Chính sách Xã hội	1	1
3	Ngân hàng Phát triển	1	1
4	NHTM cổ phần	28	28
5	Ngân hàng liên doanh	2	2
6	Ngân hàng 100% vốn nước ngoài	9	9
7	Chi nhánh ngân hàng nước ngoài	49	49
8	Tổ chức tín dụng phi ngân hàng	26	26
9	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	1	1
10	Quỹ tín dụng nhân dân	1.178	1.183
11	Tổ chức tài chính vi mô	4	4

Nguồn: NHNN

Tính đến cuối năm 2018, hệ thống các TCTD tại Việt Nam gồm 01 ngân hàng 100% vốn Nhà nước, 03 ngân hàng do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; 03 NHTM cổ phần mua bắt buộc; 28 NHTM cổ phần; 02 ngân hàng thuộc khối ngân hàng chính sách; Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam; 09 ngân hàng 100% vốn nước ngoài; 02 ngân hàng liên doanh; 49 chi nhánh Ngân hàng nước ngoài; 26 công ty tài chính và cho thuê tài chính; 04 tổ chức tài chính vi mô và 1.183 Quỹ tín dụng nhân dân.

Các TCTD nỗ lực nâng cao năng lực tài chính, cải thiện các tỷ lệ đảm bảo an toàn, tăng cường quản trị rủi ro

Bảng 2: Tài sản và vốn của TCTD⁵

	Tổng tài sản có		Vốn tự có		Vốn điều lệ	
	Tỷ đồng	± %	Tỷ đồng	± %	Tỷ đồng	± %
NHTM Nhà nước	5.059.226	6,6	268.599	5,5	161.782	2,1
NHTM cổ phần	4.554.977	13,1	338.183	16,4	267.234	24,4
NHTM liên doanh, nước ngoài	1.136.614	19,1	162.864	14,8	113.489	3,5
Công ty tài chính, cho thuê tài chính	167.822	18,3	32.565	39,4	26.421	17,2
TCTD hợp tác ⁶	145.600	10,7	3.946	8,6	7.412	6,2
Toàn hệ thống	11.064.239	10,6	806.156	12,9	576.338	12,5

Nguồn: NHNN

Năm 2018, hệ thống các TCTD tiếp tục đạt được kết quả kinh doanh tích cực, năng lực tài chính, chất lượng tài sản và xử lý nợ xấu đều được nâng cao; thanh khoản hệ thống được duy trì ổn định; ý thức tuân thủ pháp luật và chất lượng quản trị, điều hành có nhiều cải thiện, tình trạng sở hữu chéo, cấp tín dụng vượt giới hạn từng bước được xử lý. Nhìn chung, các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chấp hành nghiêm túc các quy định về giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn và các quy định khác của NHNN; vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu toàn hệ

“

Các TCTD tiếp tục nỗ lực nâng cao năng lực tài chính, cải thiện các tỷ lệ đảm bảo an toàn, tăng cường quản trị rủi ro. Hệ số sinh lời tăng so với năm 2017, thanh khoản tiếp tục ổn định, chất lượng tín dụng được nâng cao.

⁵ Vốn tự có đã loại bỏ các TCTD có vốn tự có âm.

⁶ Gồm Ngân hàng Hợp tác xã và hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân

thống được cải thiện. Đến cuối năm 2018, tổng tài sản toàn hệ thống đạt 11,06 triệu tỷ đồng, tăng 10,6% so với cuối năm 2017; tổng vốn điều lệ toàn hệ thống đạt 576,3 nghìn tỷ đồng, tăng 12,5% so với cuối năm 2017; vốn tự có toàn hệ thống đạt 806,1 nghìn tỷ đồng, tăng 12,9% so với cuối năm 2017.

Về cơ bản, các TCTD có kết quả kinh doanh tăng trưởng, hoạt động tín dụng tăng trưởng tốt, lãi thuần từ hoạt động tín dụng tiếp tục đóng góp chính vào tổng lợi nhuận cùng với sự phát triển của dịch vụ phi tín dụng và kinh doanh ngoại hối. Đến cuối năm 2018, ROA và ROE toàn hệ thống lần lượt là 0,9% và 11,8%, tăng so với năm 2017 (2017 lần lượt là 0,7% và 10,3%). Tỷ lệ CAR của hệ thống cuối năm 2018 đạt 12,1%, giảm nhẹ so với cuối năm 2017, do vốn tự có tăng chậm hơn so với tổng tài sản có rủi ro khi nhiều TCTD đẩy mạnh hoạt động cho vay, đầu tư. Các nguồn vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu toàn hệ thống được cải thiện.

Bảng 3: Một số chỉ tiêu hoạt động của TCTD⁷

Đơn vị: %

	ROA	ROE	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn
NHTM Nhà nước	0,7	12,3	9,5	30,7
NHTM cổ phần	1,0	12,8	11,2	32,7
NHTM liên doanh, nước ngoài	1,1	7,6	25,9	(5,2)
Công ty tài chính, cho thuê tài chính	4,1	19,1	19,5	34,9
TCTD hợp tác	0,8	9,6	24,1	33,8
Toàn hệ thống	0,9	11,8	12,1	28,4

Nguồn: NHNN

⁷ Số liệu ước tính trên cân đối tài khoản kế toán năm 2018, không bao gồm các TCTD có vốn tự có âm.



Thanh khoản hệ thống tiếp tục ổn định, chất lượng tín dụng được nâng cao

Rủi ro thanh khoản: Thanh khoản toàn hệ thống duy trì ổn định; các quy định về giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn được các TCTD chấp hành nghiêm túc. Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn ở mức 28,4% cuối năm 2018.

Rủi ro tín dụng: Kể từ năm 2016, tín dụng có xu hướng tăng ổn định, phù hợp với khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế, cơ cấu tín dụng theo kỳ hạn cải thiện tích cực khi tín dụng ngắn hạn tăng trưởng tốt, tín dụng trung dài hạn có xu hướng tăng chậm phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn, đảm bảo khả năng thanh khoản. Với việc tích cực triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp nhằm đẩy mạnh xử lý nợ xấu, kiểm soát chất lượng tín dụng và duy trì tỷ lệ nợ xấu theo mục tiêu đề ra, tỷ lệ nợ xấu năm 2018 tiếp tục được kiểm soát và duy trì ở mức 3%, tỷ lệ nợ xấu nội bảng của toàn hệ thống TCTD là 1,91%. Trong năm 2018, hệ thống TCTD xử lý được 163,14 nghìn tỷ đồng nợ xấu nội bảng (2017: 115,54 nghìn tỷ đồng); trong đó TCTD sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý chiếm tỷ trọng 49%, khách hàng trả nợ chiếm 28% và bán cho VAMC chiếm 17%. Số liệu nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH14, từ ngày 15/5/2017 (thời điểm Nghị quyết số 42/2017/QH14 có hiệu lực) đến cuối năm 2018, hệ thống TCTD đã xử lý được 198,5 nghìn tỷ đồng nợ xấu (2017: 85,09 tỷ đồng).

Phần II – Điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018, NHNN đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 10/01/2018, theo đó đặt mục tiêu, nhiệm vụ toàn ngành Ngân hàng năm 2018 là “*Điều hành CSTT chủ động, linh hoạt, thận trọng, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra (bình quân khoảng 4%), ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý (6,7%); bảo đảm thanh khoản của các TCTD, ổn định tỷ giá và thị trường ngoại hối. Năm 2018, định hướng tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 16%, tín dụng tăng khoảng 17%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế*”.

1. Điều hành chính sách tiền tệ

Điều hành chủ động, linh hoạt, thận trọng nghiệp vụ thị trường mở nhằm điều tiết tiền tệ hợp lý, đảm bảo thanh khoản hệ thống và ổn định thị trường tiền tệ, hỗ trợ ổn định tỷ giá và góp phần kiểm soát tiền tệ

“

CSTT chủ động, linh hoạt, thận trọng nhằm mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế; đồng thời bảo đảm thanh khoản hệ thống, duy trì ổn định thị trường tiền tệ.

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành chủ động, linh hoạt, thận trọng nghiệp vụ thị trường mở nhằm kiểm soát tiền tệ, góp phần hỗ trợ ổn định thị trường tiền tệ và tỷ giá.

Trong nửa đầu năm khi nguồn cung ngoại tệ thuận lợi, NHNN chủ yếu cung tiền mua ngoại tệ, tăng Dự trữ ngoại hối Nhà nước đồng thời hút tiền trung hòa qua phát hành tín phiếu NHNN nhằm kiểm soát tiền tệ. Theo đó, NHNN đã giảm 0,25%/năm lãi suất chào mua giấy tờ có giá và giữ ở mức 4,75%/năm để phát tín hiệu hỗ trợ ổn định mặt bằng lãi suất thị trường; đồng thời chào bán tín phiếu NHNN với kỳ hạn và khối lượng ở mức hợp lý một mặt để hút tiền trung hòa, kiểm soát tiền tệ ở mức hợp lý, mặt khác góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định tỷ giá và hỗ trợ ổn định mặt bằng lãi suất thị trường.

Từ tháng 7/2018, một số diễn biến tiêu cực trên thị trường tài chính, tiền tệ toàn cầu tạo áp lực lên tỷ giá và



mục tiêu kiểm soát lạm phát, NHNN đã kéo dài các kỳ hạn tín phiếu NHNN tới 140 ngày, tăng lãi suất các kỳ hạn chào bán tín phiếu, duy trì thanh khoản của TCTD ở mức hợp lý để tránh tác động đến mặt bằng lãi suất thị trường. Trong bối cảnh thực hiện bán ngoại tệ can thiệp thị trường ngoại hối, thanh khoản của các TCTD thiếu hụt tạm thời, đặc biệt từ cuối tháng 10/2018 khi nhu cầu giải ngân tín dụng, thanh toán cho nền kinh tế tăng cao, NHNN đã tạm dừng chào bán tín phiếu, hỗ trợ thanh khoản cho các TCTD qua kênh chào mua giấy tờ có giá với kỳ hạn và khối lượng phù hợp với diễn biến thị trường và tình hình vốn khả dụng nhằm hỗ trợ các TCTD gặp khó khăn vay vốn trên thị trường liên ngân hàng, góp phần ổn định thị trường tiền tệ.

Điều chỉnh giảm lãi suất chào mua OMO góp phần hỗ trợ ổn định mặt bằng lãi suất

Năm 2018, NHNN tiếp tục điều hành lãi suất phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, lạm phát và thị trường tiền tệ nhằm góp phần kiểm soát lạm phát theo mục tiêu, ổn định kinh tế vĩ mô. Trên cơ sở tình hình kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, ngoại hối và cân đối tổng thể cung - cầu, NHNN đã giảm lãi suất chào mua OMO từ 5%/năm xuống 4,75%/năm; điều tiết thanh khoản của các TCTD, hỗ trợ ổn định mặt bằng lãi suất.

Giữ ổn định tỷ lệ dự trữ bắt buộc VND và ngoại tệ

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi VND được duy trì ở mức 3% đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng, 1% đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên. Đối với tiền gửi bằng ngoại tệ, tỷ lệ dự trữ bắt buộc được duy trì ở mức 8% đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng, 6% đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên và 1% đối với tiền gửi của các TCTD ở nước ngoài.

Tiếp tục thực hiện tái cấp vốn để hỗ trợ nguồn vốn trong quá trình xử lý nợ xấu và các mục tiêu khác theo chủ trương của Chính phủ

Công cụ tái cấp vốn tiếp tục được điều hành phù hợp với diễn biến thị trường, tình hình hoạt động của

các TCTD và mục tiêu điều hành CSTT. NHNN tiếp tục triển khai tái cấp vốn theo chủ trương của Chính phủ như: Tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của VAMC nhằm hỗ trợ nguồn vốn hoạt động của TCTD trong quá trình xử lý nợ xấu theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 và Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 31/3/2015; Tái cấp vốn đối với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam để cho vay các dự án thuộc Quy hoạch chống ngập úng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 1.

Thực hiện điều hành tỷ giá trung tâm linh hoạt hàng ngày, kết hợp với điều hành đồng bộ, linh hoạt các công cụ CSTT

Năm 2018, NHNN đã thực hiện đồng bộ, linh hoạt các giải pháp nhằm ổn định tỷ giá và thị trường ngoại tệ. *Thứ nhất*, NHNN tiếp tục thực hiện công bố tỷ giá trung tâm hàng ngày trên cơ sở tham chiếu diễn biến thị trường trong nước và quốc tế, các cân đối kinh tế vĩ mô, tiền tệ và mục tiêu CSTT. Tỷ giá trung tâm thay đổi linh hoạt theo cả hai chiều tăng/giảm giúp hạn chế tình trạng đầu cơ, găm giữ ngoại tệ, giảm tình trạng đô-la hóa; đồng thời, giúp giảm thiểu tác động bất lợi từ các biến động bên ngoài tới thị trường trong nước, hạn chế áp lực lên tỷ giá. *Thứ hai*, thực hiện can thiệp thị trường ngoại tệ một cách chủ động, linh hoạt phù hợp với diễn biến thị trường nhằm ổn định thị trường ngoại tệ. Căn cứ diễn biến thị trường và quan điểm điều hành CSTT, NHNN điều chỉnh linh hoạt tỷ giá mua/bán ngoại tệ và thực hiện mua/bán ngoại tệ kỳ hạn với các TCTD. Cụ thể: (1) Khi nguồn cung ngoại tệ dồi dào, bên cạnh việc mua ngoại tệ giao ngay, NHNN thực hiện mua ngoại tệ kỳ hạn 3 tháng (từ ngày 07/02/2018) góp phần điều tiết hợp lý nguồn tiền cung ứng và kiểm soát lạm phát; (2) Khi tỷ giá và thị trường ngoại tệ chịu áp lực do cân đối cung cầu ngoại tệ diễn biến kém thuận lợi, thị trường quốc tế có diễn biến bất lợi, gây áp lực lên thị trường trong nước, bên cạnh các biện pháp điều hành và truyền thông khác, NHNN bán ngoại tệ khi cần thiết để ổn định thị trường. *Thứ ba*, NHNN điều hành tỷ giá kết hợp với việc điều hành đồng bộ, linh hoạt các công cụ CSTT, điều tiết thanh khoản,



lãi suất tiền đồng... Chủ động đẩy mạnh công tác truyền thông, định hướng thị trường đối với quan điểm và biện pháp điều hành CSTT và tỷ giá, đặc biệt là trong những giai đoạn tỷ giá và thị trường ngoại tệ chịu áp lực ngắn hạn, qua đó tạo sự đồng thuận của các thành viên thị trường và nâng cao tính minh bạch, hiệu quả của CSTT và tỷ giá. Công tác điều hành tỷ giá và thị trường ngoại tệ năm 2018 được nhiều tổ chức quốc tế, doanh nghiệp và người dân đánh giá cao.

Điều hành các giải pháp tín dụng đi đôi với an toàn, nâng cao hiệu quả, chất lượng tín dụng, tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận vốn tín dụng của nền kinh tế

Trên cơ sở mục tiêu tăng trưởng năm 2018 khoảng 6,7% và lạm phát bình quân khoảng 4% được Quốc hội và Chính phủ đề ra, NHNN đã xây dựng chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng định hướng năm 2018 khoảng 17%, có điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế. Theo đó, NHNN thông báo chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng đối với TCTD và trong quá trình thực hiện, xem xét điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng đối với các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên cơ sở theo dõi sát tình hình tăng trưởng tín dụng của từng TCTD và của toàn hệ thống. NHNN tiếp tục thực hiện các giải pháp để tạo điều kiện TCTD mở rộng tín dụng có hiệu quả, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên; kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, đi kèm với củng cố và nâng cao hiệu quả; tiếp tục triển khai các chương trình tín dụng; kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách nhằm tạo thuận lợi mở rộng tín dụng phục vụ phát triển kinh tế, đi đôi với an toàn hoạt động.

Đối với tín dụng ngoại tệ, NHNN tiếp tục kiểm soát nhu cầu vay vốn ngoại tệ đảm bảo phù hợp với lộ trình hạn chế đô-la hóa nền kinh tế. Đồng thời, để thực hiện mục tiêu của Chính phủ tại Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, NHNN đã ban hành Thông tư số 42/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2015/TT-NHNN ngày 08/12/2015

quy định cho vay ngoại tệ của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay là người cư trú.

2. Quản lý ngoại hối

Tăng cường công tác xây dựng, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản lý ngoại hối và thị trường vàng

Năm 2018, NHNN đã ban hành 05 thông tư để hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến hoạt động ngoại hối và đổi mới hệ thống văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với điều kiện thực tế. Qua đó, góp phần tạo hành lang pháp lý đầy đủ, đồng bộ, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động ngoại hối trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật nhưng đảm bảo quyền tiếp cận lợi ích kinh tế từ các hoạt động này.

Quản lý các giao dịch vãng lai

Công tác quản lý giao dịch vãng lai tiếp tục được thực hiện theo hướng tự do hóa phù hợp với các cam kết quốc tế, đồng thời tiếp tục triển khai các biện pháp hạn chế sử dụng ngoại tệ trong nước, tăng niềm tin của người dân vào VND. Chính sách thu hút kiều hối tiếp tục thực hiện theo hướng thông thoáng, phù hợp với xu thế hội nhập, nhằm khuyến khích và tạo thuận lợi cho dòng kiều hối chuyển về nước, góp phần cải thiện cán cân thanh toán của Việt Nam, tăng Dự trữ ngoại hối Nhà nước. Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục triển khai các giải pháp để thu hút các nguồn ngoại tệ vào hệ thống ngân hàng thông qua các chính sách quản lý thu đổi ngoại tệ, chính sách kiều hối, chính sách mua bán ngoại tệ tiền mặt của TCTD được phép với cá nhân, chính sách quản lý thanh toán biên mậu...

Quản lý các giao dịch vốn

Ngân hàng Nhà nước đã ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư; song song với đó, công tác quản lý ngoại hối được thực hiện theo hướng: (i) Tạo thuận lợi thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, đảm bảo an toàn, hiệu quả, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và cải thiện cán cân thanh toán quốc tế; hỗ trợ phát triển thị trường chứng khoán tạo kênh huy động vốn cho doanh nghiệp;

“

Tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản lý ngoại hối và thị trường vàng; các công tác quản lý giao dịch vãng lai, giao dịch vốn, quản lý Dự trữ ngoại hối Nhà nước, quản lý đối với thị trường vàng tiếp tục được thực hiện hiệu quả.



(ii) Quản lý dòng vốn đầu tư trực tiếp/gián tiếp ra nước ngoài chặt chẽ, thận trọng, vừa hỗ trợ nhà đầu tư trong nước tranh thủ cơ hội đầu tư ra nước ngoài, song vẫn đảm bảo giám sát chặt chẽ dòng vốn ra, ưu tiên tập trung nguồn lực phát triển kinh tế trong nước; (iii) Quản lý chặt chẽ công tác giám sát hạn mức vay trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh, đảm bảo mức vay trả nợ nước ngoài ròng của doanh nghiệp tự vay tự trả năm 2018 nằm trong hạn mức vay nước ngoài được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Quản lý Dự trữ ngoại hối Nhà nước

Năm 2018, với diễn biến thị trường ngoại hối như đề cập ở trên, tình trạng găm giữ ngoại tệ tiếp tục giảm, nguồn lực vàng và ngoại tệ được chuyển hóa để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhờ đó NHNN đã mua được ngoại tệ bổ sung Dự trữ ngoại hối Nhà nước, đưa quy mô dự trữ ngoại hối Nhà nước tăng so với năm 2017.

Quản lý thị trường vàng

Năm 2018, thị trường vàng trong nước tiếp tục ổn định và tự điều tiết tốt, không xuất hiện các cơn “sốt vàng” trên thị trường; doanh số mua, bán vàng miếng giảm so với những năm trước. NHNN tiếp tục không phải sử dụng ngoại tệ để nhập khẩu vàng can thiệp thị trường. Tình trạng vàng hóa tiếp tục được hạn chế, một phần nguồn vốn bằng vàng tiếp tục xu hướng chuyển hóa thành tiền phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, góp phần ổn định tỷ giá và ổn định kinh tế vĩ mô.

3. Hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng

Công tác thanh tra, giám sát

Thực hiện Kế hoạch thanh tra năm 2018 ban hành theo Quyết định số 2445/QĐ-NHNN ngày 24/11/2017 và các quyết định điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch thanh tra năm 2018 của NHNN, công tác thanh tra chuyên ngành năm 2018 đặt trọng tâm vào một số nội dung như: Thanh tra đánh giá thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh, vốn và thực trạng sở hữu vốn điều lệ; việc chấp hành các quy định về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn; thanh tra việc thực hiện Phương án cơ cấu lại và Phương án xử lý

“

NHNN tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về công tác thanh tra, giám sát ngân hàng; các giải pháp về cơ cấu lại hệ thống

TCTD gắn với xử lý nợ xấu; hoàn thiện hành lang pháp lý về an toàn trong hoạt động ngân hàng, quản trị rủi ro, hỗ trợ xử lý nợ xấu và cơ cấu lại; đẩy mạnh triển khai áp dụng các quy định về an toàn theo chuẩn mực quốc tế Basel II.

nợ xấu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;... Kết quả thanh tra là căn cứ quan trọng để NHNN yêu cầu các TCTD xây dựng/điều chỉnh phương án cơ cấu phù hợp với thực tế hoạt động của TCTD. Bên cạnh đó, công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và xử lý sau thanh tra tiếp tục được giám sát chặt chẽ, sát sao nhằm bảo đảm TCTD thực hiện nghiêm túc các kiến nghị tại các kết luận về thanh tra, kiểm tra; gắn kết quả thực hiện, xử lý sau thanh tra với việc xem xét cấp phép mở rộng mạng lưới và cung ứng dịch vụ ngân hàng mới, qua đó nâng cao hiệu quả, hiệu lực của công tác thanh tra, giám sát.

Đồng thời, trong năm 2018, toàn hệ thống đã tập trung, chủ động triển khai tổ chức thực hiện nhiệm vụ thanh tra hành chính, tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và công tác phòng, chống tham nhũng và đã đạt được một số kết quả tích cực. Trên cơ sở các tồn tại, sai phạm phát hiện được thông qua công tác thanh tra hành chính, các Đoàn thanh tra hành chính đã đưa ra các kiến nghị yêu cầu các đối tượng thanh tra có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục thiếu sót, tồn tại. Nhìn chung, về cơ bản các đơn vị đã khắc phục, chỉnh sửa xong các kiến nghị. Về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo, trong năm 2018, toàn ngành ngân hàng đã tiếp gần 400 lượt công dân, nội dung chủ yếu liên quan đến vướng mắc về lãi suất, tiêu chuẩn được vay vốn ưu đãi, phản ánh về thái độ phục vụ của các nhân viên ngân hàng...; xử lý trên 2.000 đơn thư, trong đó hơn 1.000 đơn thuộc thẩm quyền. Các cấp lãnh đạo luôn quan tâm sâu sát, chỉ đạo nâng cao nhận thức tư tưởng, tinh thần trách nhiệm của cán bộ và tập trung chỉ đạo xử lý kịp thời, đúng pháp luật khiếu nại, tố cáo phát sinh ngay từ cơ sở, vì vậy trong năm 2018 không có vụ việc phức tạp, không có điểm nóng phát sinh.

Công tác giám sát ngân hàng tiếp tục được đổi mới và tăng cường trên cơ sở hoàn thiện, triển khai các công cụ, phương pháp giám sát mới gắn liền với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển cơ sở dữ liệu và hệ thống tiêu chí giám sát, từng bước chuyển dần từ giám sát tuân thủ sang kết hợp giữa giám sát tuân thủ và giám sát trên cơ sở rủi ro. Về cơ bản hoạt động giám sát ngân hàng



đã đạt được một số kết quả tích cực: **(i)** Có sự kết nối với việc xây dựng kế hoạch thanh tra và thực hiện thanh tra; **(ii)** Nhận diện, đánh giá rủi ro tiềm ẩn để kịp thời đưa ra văn bản cảnh báo về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và quản lý rủi ro đối với các hoạt động có nguy cơ rủi ro cao; **(ii)** Tiếp xúc, làm việc với các đối tượng giám sát và đề xuất nội dung thanh tra phù hợp. Bên cạnh đó, để tiếp tục hoàn thiện quy trình giám sát phù hợp với quy định của pháp luật và tiệm cận với thông lệ quốc tế, NHNN đã ban hành Thông tư số 04/2018/TT-NHNN ngày 12/3/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-NHNN, bổ sung quy định về áp dụng can thiệp sớm trong giám sát ngân hàng, góp phần kịp thời xử lý vi phạm, hạn chế rủi ro cho đối tượng giám sát ngân hàng.

Công tác quản lý cấp phép

Công tác quản lý, cấp phép trong năm 2018 tiếp tục được thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chuẩn, điều kiện thận trọng, gắn với tiến độ, kết quả thực hiện tái cơ cấu và xử lý nợ xấu của toàn hệ thống và của từng TCTD, nhằm bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hệ thống TCTD. Trong năm 2018, NHNN đã cấp phép thành lập và hoạt động mới đối với 02 chi nhánh ngân hàng nước ngoài và 05 văn phòng đại diện của các ngân hàng nước ngoài tại TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Đồng thời, NHNN đã chấp thuận thành lập 81 chi nhánh, 357 phòng giao dịch, 01 đơn vị sự nghiệp của TCTD.

Tình hình triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 và triển khai áp dụng quy định về an toàn theo chuẩn mực quốc tế Basel II

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai cơ cấu lại hệ thống TCTD gắn với xử lý nợ xấu

Năm 2018, trên cơ sở các giải pháp quy định tại Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 (Đề án 1058) và thực trạng hoạt động của hệ thống TCTD, NHNN chỉ đạo quyết liệt các TCTD hoàn thiện phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. NHNN đã tăng cường giám sát chặt chẽ các TCTD triển khai phương

án cơ cấu lại đã được phê duyệt; đồng thời, chỉ đạo các TCTD chưa được phê duyệt phương án rà soát các kiến nghị tại các kết luận thanh tra để bổ sung, hoàn thiện phương án nhằm phản ánh đúng, đầy đủ thực trạng của TCTD cũng như đặt ra các giải pháp phù hợp với thực tiễn, đúng quy định của pháp luật và bảo đảm yêu cầu của các mục tiêu, giải pháp tại Đề án 1058.

Đến nay, NHNN đã cơ bản hoàn thành phê duyệt Phương án hoặc có văn bản giao Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên của TCTD rà soát, hoàn thiện, chịu trách nhiệm phê duyệt phương án cơ cấu lại đối với hầu hết các TCTD. Các TCTD chưa được phê duyệt phương án chủ yếu là các NHTM cổ phần đang thực hiện thủ tục sáp nhập, TCTD đang chờ ban hành kết luận thanh tra để bổ sung kiến nghị tại kết luận thanh tra vào phương án và các TCTD yếu kém đang xử lý theo phương án đặc thù... Hiện nay, các TCTD đang tích cực thực hiện phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu đã được phê duyệt, trong đó tập trung tăng cường các biện pháp kiểm soát, nâng cao chất lượng tín dụng; thực hiện cơ cấu lại hoạt động theo hướng an toàn, lành mạnh hơn; tích cực phát triển dịch vụ thanh toán, dịch vụ phi tín dụng khác và mở rộng dịch vụ bán lẻ, tín dụng tiêu dùng; đẩy mạnh phát triển và đa dạng hóa dịch vụ ngân hàng...

Ngày 28/8/2018, NHNN đã tổ chức Hội nghị sơ kết 01 năm triển khai Đề án 1058 và Nghị quyết số 42/2017/QH14. Sau Hội nghị, NHNN đã ban hành Chỉ thị số 05/CT-NHNN ngày 17/9/2018 về việc tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại hệ thống TCTD gắn với xử lý nợ xấu để quán triệt toàn ngành thực hiện. Nhìn chung, trong năm 2018, bám sát mục tiêu, định hướng nêu tại Đề án 1058 và các giải pháp xử lý nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH14, việc thực hiện các giải pháp cơ cấu lại hệ thống TCTD gắn với xử lý nợ xấu đã được toàn ngành Ngân hàng tập trung triển khai và đạt được kết quả tích cực theo đúng mục tiêu, lộ trình đã đặt ra.

Triển khai thực hiện quy định về an toàn theo chuẩn mực quốc tế và yêu cầu của Basel II

Năm 2018, NHNN tiếp tục tập trung hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, cơ chế chính sách về tiền tệ và hoạt



động ngân hàng mà trọng tâm là ban hành các văn bản hướng dẫn Luật số 17/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD 2010, tạo hành lang pháp lý đồng bộ, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng, đảm bảo ổn định, an toàn hoạt động của các TCTD và lành mạnh thị trường tài chính tiền tệ. Đặc biệt, nhằm tạo đủ cơ sở pháp lý để các TCTD thực hiện Chuẩn mực vốn Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn, NHNN đã ban hành Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của NHTM và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Việc ban hành Thông tư số 13/2018/TT-NHNN góp phần thay đổi về chất trong công tác quản trị, điều hành, quản trị rủi ro và kiểm soát của TCTD; giúp ngăn ngừa, cảnh báo, xử lý kịp thời sai phạm và rủi ro, góp phần giảm thiểu khả năng tổn thất, nguy cơ đổ vỡ của hệ thống ngân hàng. Theo đó, TCTD phải sắp xếp, tổ chức lại bộ máy kiểm tra, kiểm soát theo mô hình 03 tuyến phòng thủ; tăng cường trách nhiệm và tính độc lập trong quản lý, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát; thực hiện nghiêm túc hoạt động kiểm tra, kiểm soát đối với tất cả các hoạt động của TCTD từ trụ sở chính đến chi nhánh, phòng giao dịch; tăng cường quản lý rủi ro đối với các rủi ro trọng yếu, xác định khẩu vị rủi ro phù hợp với năng lực tài chính và quản trị của TCTD; thực hiện tính toán vốn, quản trị vốn đảm bảo đủ vốn để bù đắp rủi ro; tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá độc lập của kiểm toán nội bộ.

Công tác phòng, chống rửa tiền

Trong năm 2018, công tác phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần phòng, chống tội phạm trong nước và quốc tế, bảo vệ an ninh tài chính - tiền tệ quốc gia và sự an toàn của hệ thống ngân hàng. NHNN đã đẩy mạnh các hoạt động tiếp tục đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền và tài trợ khủng bố (NRA), phối hợp với Ngân hàng thế giới và các đơn vị có liên quan tổ chức Hội nghị NRA lần thứ 2 trong tháng 6/2018 và phối hợp với các bộ, ngành liên quan, hoàn thiện dự thảo và trình Thủ tướng Chính phủ phê

duyet kết quả đánh giá NRA của Việt Nam và Kế hoạch hành động sau NRA giai đoạn 2019-2020.

Để chuẩn bị cho đợt đánh giá đa phương của nhóm châu Á-Thái Bình Dương về phòng, chống rửa tiền (APG) sẽ diễn ra vào năm 2019, NHNN đã chủ động phối hợp với các bộ ngành triển khai, hoàn thành và gửi báo cáo mô hình cho APG (vào tháng 4/2018); trình Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt Kế hoạch tổng thể cho đánh giá đa phương của APG đối với Việt Nam; thành lập Tổ giúp việc phục vụ cho đợt đánh giá và tổ chức thành công hội thảo đào tạo đánh giá đa phương đối với Việt Nam. Nhằm hoàn thiện một bước khuôn khổ pháp lý cho công tác phòng, chống rửa tiền, NHNN đang nghiên cứu, xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền và dự kiến trình Chính phủ ký ban hành trong tháng 11/2019.

4. Hoạt động giám sát an toàn vĩ mô hệ thống tài chính



Ngân hàng Nhà nước tiếp tục triển khai Quy chế giám sát rủi ro hệ thống, từng bước hoàn thiện khuôn khổ chính sách an toàn vĩ mô tạo cơ sở pháp lý giúp ngăn ngừa rủi ro hệ thống, giảm thiểu tác động tiêu cực đến nền kinh tế.

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục triển khai Quy chế giám sát rủi ro hệ thống (ban hành theo Quyết định số 2563/QĐ-NHNN ngày 31/12/2016) và định kỳ tổ chức các buổi làm việc của Tổ công tác và Nhóm giúp việc ổn định tiền tệ - tài chính (theo Quyết định số 2471/QĐ-NHNN ngày 20/12/2016). Hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin phục vụ giám sát rủi ro hệ thống thường xuyên được cập nhật, nâng cao chất lượng, góp phần tham vấn ban hành chính sách vĩ mô, chính sách an toàn vĩ mô phù hợp trong từng thời kỳ. Bên cạnh đó, cán bộ NHNN từng bước vận dụng các phương pháp định lượng, kỹ thuật phân tích phù hợp với thông lệ quốc tế trong công tác đánh giá rủi ro hệ thống như kiểm định sức căng (Stress Test), cơ chế cảnh báo rủi ro hệ thống (SRAM), mô hình cảnh báo sớm, xây dựng chu kỳ tài chính nhằm theo dõi, đánh giá, phân tích rủi ro và đưa ra các chính sách, công cụ phù hợp trong từng thời kỳ.

Khuôn khổ ổn định tài chính ngày càng được củng cố và tăng cường thông qua chủ trương thiết lập



khuôn khổ an toàn vĩ mô nhằm mục tiêu ngăn ngừa rủi ro hệ thống. Theo đó, Khuôn khổ an toàn vĩ mô gồm 03 cấu phần chính: **(i)** Theo dõi, giám sát rủi ro hệ thống; **(ii)** Lựa chọn và thực thi công cụ an toàn vĩ mô; **(iii)** Khuôn khổ thể chế phù hợp.

5. Công tác pháp chế

Công tác xây dựng pháp luật

Nhằm tiếp tục hoàn thiện thể chế cho hoạt động ngân hàng, trong năm 2018, để triển khai thi hành Nghị quyết số 42/2017/QH14 và Luật số 17/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD, NHNN đã xây dựng, ban hành theo thẩm quyền, phối hợp ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành 55 văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm 03 nghị định của Chính phủ, 01 quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 51 thông tư của Thống đốc NHNN. Các văn bản được ban hành đã tạo cơ sở pháp lý để NHNN thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như: **(i)** Tái cơ cấu hệ thống các TCTD; **(ii)** Mua bán, xử lý nợ xấu của TCTD, VAMC; **(iii)** Hoàn thiện các quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động của TCTD; **(iv)** Quản lý hoạt động ngoại hối, vàng; **(v)** Triển khai các chính sách hỗ trợ tín dụng. Với số lượng lớn văn bản quy phạm pháp luật được ban hành, hệ thống pháp luật ngành ngân hàng tiếp tục được hoàn thiện, góp phần tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tạo lập khuôn khổ pháp lý quan trọng cho NHNN điều hành CSTT, bảo đảm an toàn hoạt động, thúc đẩy quá trình cơ cấu lại và lành mạnh hóa hệ thống TCTD.

Tăng cường thực thi pháp luật ngân hàng

Để nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về ngân hàng, NHNN đã tập trung triển khai các nhiệm vụ sau: **(i)** Tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật mới được ban hành trong toàn hệ thống ngân hàng; **(ii)** Thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, bãi bỏ 06 nghị định trong lĩnh vực ngân hàng; công bố 15 văn bản hết hiệu lực toàn bộ và 30 văn bản hết hiệu lực toàn phần; **(iii)** Thực hiện kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật (kiểm tra theo thẩm quyền 25 văn bản do các bộ, cơ

“

Công tác xây dựng và thực thi pháp luật tiếp tục được đẩy mạnh nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hoạt động tiền tệ - ngân hàng, góp phần minh bạch hóa hệ thống pháp luật về ngân hàng.

quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân gửi đến; tự kiểm tra 51 văn bản); **(iv)** Hoàn thành công tác pháp điển chủ đề ngân hàng, tiền tệ, Chính phủ đã thông qua Nghị quyết số 129/NQ-CP phê duyệt kết quả kiểm tra pháp điển đối với chủ đề ngân hàng, tiền tệ gồm 06 đề mục; **(v)** Rà soát pháp luật ngân hàng so với các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam đã hoặc đang trong quá trình tham gia như Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định Việt Nam-Anh, Hiệp định thương mại điện tử ASEAN, Hiệp định thương mại dịch vụ ASEAN, Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP)...; **(vi)** Thường xuyên cập nhật, theo dõi thi hành đối với các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành, theo dõi theo chuyên đề, ban hành văn bản hướng dẫn thi hành hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới theo thẩm quyền để đáp ứng yêu cầu quản lý, qua đó nâng cao tính thống nhất, minh bạch của hệ thống pháp luật ngân hàng; **(vii)** Tiếp tục nghiên cứu và đề xuất các cơ chế thí điểm có kiểm soát đối với một số lĩnh vực hoạt động ngân hàng trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ; **(viii)** Chủ động tham gia công tác xây dựng các dự thảo Luật có liên quan đến hoạt động của các TCTD như Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp;...

6. Công tác phát hành kho quỹ

Về hoạt động phát hành và điều hòa tiền mặt

“

Triển khai hiệu quả công tác phát hành kho quỹ, đảm bảo an toàn hệ thống, an ninh tiền tệ

Ngân hàng Nhà nước theo dõi sát tình hình tiền mặt, chủ động, linh hoạt trong công tác điều hòa tiền mặt đối với từng địa phương, trong từng thời kỳ nhằm đáp ứng đủ nhu cầu tiền mặt của nền kinh tế cả về giá trị và cơ cấu mệnh giá. Đặc biệt vào các dịp lễ, Tết khi áp lực thu, chi tiền mặt tăng cao, NHNN đã chủ động phương án chuẩn bị, tập trung nguồn lực, triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao dự trữ tiền mặt tại các đơn vị, đảm bảo giao dịch tiền mặt thông suốt, không để xảy ra tình trạng thiếu tiền trên toàn quốc và tại cục bộ địa phương. Đồng thời, NHNN cũng phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng thực hiện tuyên truyền sử dụng tiền mệnh giá nhỏ đúng mục đích, nghiêm cấm các hoạt động đổi tiền không đúng quy định của pháp luật; triển



khai nhiều biện pháp nhằm nâng cao chất lượng đồng tiền trong lưu thông.

Công tác an toàn kho quỹ

Nhằm tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý an toàn kho quỹ trong toàn ngành, năm 2018, NHNN đã tăng cường kiểm tra công tác an toàn kho quỹ tại các NHNN chi nhánh và các TCTD để kịp thời phát hiện, khắc phục tồn tại, hướng dẫn các đơn vị thực hiện đúng quy định về chế độ quản lý kho quỹ nhằm đảm bảo an toàn tài sản.

Công tác đấu tranh phòng, chống tiền giả

Ngân hàng Nhà nước chú trọng ứng dụng công nghệ trong phân tích, giám định tiền giả, tiền nghi giả để có cảnh báo kịp thời các loại tiền giả mới xuất hiện cho hệ thống ngân hàng, Kho bạc Nhà nước; tăng cường công tác đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên trong hệ thống ngân hàng, Kho bạc Nhà nước; đẩy mạnh công tác phối hợp với các đơn vị chức năng thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng trong đấu tranh phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam thông qua việc triển khai thực hiện Quy chế phối hợp. Nhờ thực hiện đồng bộ các giải pháp và sự phối hợp chặt chẽ của các đơn vị chức năng, lượng tiền giả thu giữ qua hệ thống ngân hàng, Kho bạc Nhà nước năm 2018 giảm gần 50% so với năm 2017, góp phần đảm bảo an ninh tiền tệ quốc gia. Ngoài ra, để hoàn thiện hành lang pháp lý và tăng cường trách nhiệm của các bộ, ngành liên quan trong công tác phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam, NHNN đã rà soát, đánh giá, tổng kết Quyết định số 130/2003/QĐ-TTg ngày 30/6/2003 của Thủ tướng Chính phủ và lập hồ sơ đề nghị Chính phủ xây dựng, ban hành nghị định của Chính phủ về phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam.

7. Hoạt động thanh toán

Hiện đại hóa hệ thống thanh toán

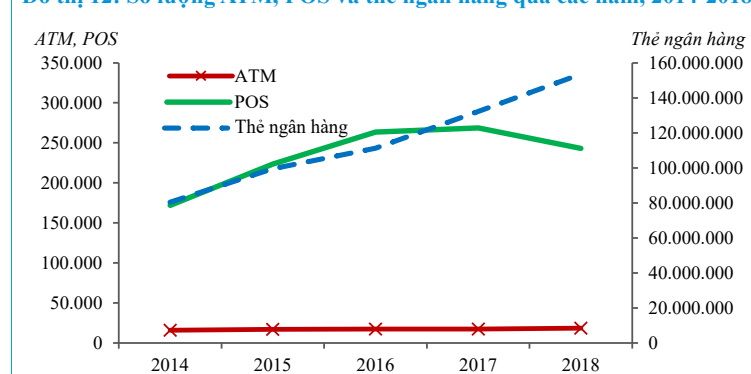
Các dịch vụ, phương tiện thanh toán mới, hiện đại dựa trên ứng dụng khoa học công nghệ - viễn thông phát triển mạnh, tạo thêm kênh thanh toán mới, thuận tiện và đem lại nhiều lợi ích cho người tiêu dùng. Đến cuối năm 2018, có khoảng 76 ngân hàng triển khai dịch vụ thanh



Hệ thống thanh toán tiếp tục được hiện đại hóa, hoạt động ổn định, an toàn, hiệu quả, tiện ích, phục vụ tốt nhu cầu thanh toán của nền kinh tế, góp phần đẩy nhanh tốc độ thanh toán.

toán qua Internet và trên 41 ngân hàng cung ứng dịch vụ thanh toán qua điện thoại di động. Số lượng giao dịch năm 2018 thông qua Internet là 255 triệu lượt, tương ứng với giá trị 16 triệu tỷ đồng, lần lượt tăng 33,6% và 19,5% so với cuối năm 2017. Giá trị giao dịch thông qua điện thoại di động đạt hơn 185 triệu giao dịch, với giá trị giao dịch gần 1,8 triệu tỷ đồng, tăng tương ứng 41% và 169% so với cuối năm 2017. Năm bắt xu thế phát triển công nghệ thanh toán trên thế giới, một số ngân hàng đã nghiên cứu, hợp tác, ứng dụng công nghệ mới, hiện đại vào hoạt động thanh toán trên thiết bị di động thông qua áp dụng sinh trắc học (vân tay, khuôn mặt, giọng nói), mã phản hồi nhanh (QR Code), công nghệ mã hóa thông tin thẻ (tokenization), thanh toán phi tiếp xúc, công nghệ mPOS,... Bên cạnh đó, để hỗ trợ cho việc phát triển hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt, tính đến cuối năm 2018, NHNN đã cấp phép cho 26 tổ chức không phải là ngân hàng thực hiện cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán nhằm phục vụ các giao dịch thanh toán bán lẻ, giá trị thấp.

Đồ thị 12: Số lượng ATM, POS và thẻ ngân hàng qua các năm, 2014-2018



Nguồn: NHNN

Cơ sở hạ tầng và công nghệ phục vụ thanh toán không dùng tiền mặt tiếp tục được đầu tư để nâng cao chất lượng và hiệu quả dịch vụ; công tác đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống thẻ, thanh toán điện tử ngày càng được chú trọng. Đến cuối năm 2018, cả nước có 18.587 ATM và 243.123 thiết bị chấp nhận thẻ (POS) được lắp đặt. Số lượng giao dịch qua ATM đạt 874.588 nghìn món với giá trị giao dịch hơn 2.451 nghìn tỷ đồng. Số lượng thẻ phát hành lũy kế đạt 153,6 triệu thẻ, tăng 16,10% so với



cuối năm 2017. Các ngân hàng cũng tích hợp thêm nhiều tính năng vào thẻ để thanh toán hàng hóa, dịch vụ song song với việc nâng cao chất lượng dịch vụ, an toàn thanh toán thẻ. Công tác đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật thẻ ngân hàng được tăng cường bằng việc áp dụng tiêu chuẩn thẻ chip nội địa, chuẩn an dữ liệu thẻ (PCI/DSS).

Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng tiếp tục hoạt động ổn định, an toàn, hiệu quả, thông suốt, đáp ứng tốt nhu cầu thanh toán liên ngân hàng, đảm bảo nhanh chóng, chính xác, thuận tiện, bảo mật. Đến cuối năm 2018, hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng của NHNN đã kết nối với 377 đơn vị thành viên, bao gồm: 64 đơn vị thành viên thuộc Kho bạc Nhà nước, 64 đơn vị thành viên thuộc NHNN, 248 đơn vị thành viên thuộc TCTD và 01 đơn vị thành viên vận hành hệ thống chuyển mạch, bù trừ. Tổng số giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng trong năm 2018 đạt 137.594 nghìn giao dịch với tổng giá trị giao dịch đạt 73.110 nghìn tỷ đồng, lần lượt tăng 25,87% và 24,68% so với năm 2017.

Công tác quản lý hoạt động thanh toán và giám sát các hệ thống thanh toán

Khuôn khổ pháp lý cho hoạt động thanh toán tiếp tục được hoàn thiện nhằm tạo sự đồng bộ trong quản lý nhà nước về thanh toán. Theo đó, NHNN đã tham mưu trình Chính phủ phê duyệt Đề án đẩy mạnh thanh toán ngân hàng đối với các dịch vụ công như thu thuế, điện, nước sinh hoạt, học phí, viện phí, chi trả các chương trình an sinh xã hội. Bên cạnh đó, với tinh thần chủ động nắm bắt, ứng dụng công nghệ và hướng đến quyền lợi của người sử dụng, NHNN đã ban hành Bộ Tiêu chuẩn cơ sở về thẻ chip nội địa và Bộ Tiêu chuẩn cơ sở đặc tả kỹ thuật QR Code hiển thị từ phía đơn vị chấp nhận thanh toán tại Việt Nam làm cơ sở để áp dụng thống nhất một tiêu chuẩn, đảm bảo tính đồng bộ, tránh lãng phí nguồn lực, tăng cường mức độ an toàn, gia tăng tiện ích cho khách hàng.

Nhằm hoàn thiện khung pháp lý về hoạt động giám sát, NHNN đã ban hành Thông tư số 20/2018/TT-NHNN ngày 30/8/2018 quy định về giám sát các hệ thống thanh toán; triển khai Chiến lược giám sát các hệ thống thanh

toán tại Việt Nam giai đoạn 2014-2020, kết hợp giám sát trực tuyến hàng ngày đối với hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng và giám sát định kỳ đối với hệ thống thanh toán ngoại tệ, thanh toán chứng khoán, đồng thời tăng cường giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán nhằm đảm bảo an ninh, an toàn trong thanh toán.

8. Hoạt động thông tin tín dụng

“

Hoạt động của Trung tâm thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam ngày càng hiệu quả, góp phần minh bạch hóa thông tin và an toàn của hệ thống.

Năm 2018, Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam (CIC) tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng cơ sở dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia cả về chiều rộng và chiều sâu; phát triển hệ thống sản phẩm, dịch vụ đa dạng; cải tiến quy trình, nghiệp vụ, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin. Các kết quả đạt được đã khẳng định vị thế, vai trò của thông tin tín dụng đối với cơ sở hạ tầng tài chính Việt Nam, đóng góp vào sự phát triển an toàn, lành mạnh của hệ thống ngân hàng.

Xây dựng kho dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia

Trong năm 2018, ngoài việc duy trì ổn định nguồn dữ liệu truyền thống từ các TCTD trong ngành, CIC còn mở rộng và bổ sung được các nguồn thông tin phi truyền thống từ các bộ, ngành và tổ chức tự nguyện.

Đến cuối năm 2018, 100% TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, 1.118 quỹ tín dụng nhân dân, 04 tổ chức tài chính vi mô và 43 tổ chức tự nguyện đã báo cáo thông tin cho CIC. Trên 38,9 triệu khách hàng vay được CIC cập nhật vào kho dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia, trong đó có trên 920.000 khách hàng doanh nghiệp và trên 38 triệu cá nhân. Theo Báo cáo Môi trường kinh doanh năm 2019 của Ngân hàng thế giới, mức độ bao phủ thông tin tín dụng công lập được cải thiện lên 54,8% (2017 là 51%), chỉ số chiều sâu thông tin tín dụng duy trì mức 7/8 điểm, cao hơn khu vực châu Á - Thái Bình Dương và khối các nước OECD.


Bảng 4: Chỉ tiêu chiều sâu thông tin tín dụng năm 2018

Chỉ tiêu	Việt Nam	Đông Á và Thái Bình Dương	OECD
Độ sâu thông tin tín dụng (thang điểm 0-8) – Depth of credit information index	7,0	4,2	6,7
Độ phủ thông tin của Trung tâm Thông tin tín dụng công lập (Tỷ lệ % hồ sơ/người trưởng thành) – Credit registry coverage (% of adults)	54,8	16,9	21,8
Độ phủ thông tin của Trung tâm Thông tin tín dụng tư nhân (Tỷ lệ % hồ sơ/người trưởng thành) – Credit bureau coverage (% of adults)	29,5	23	65,3

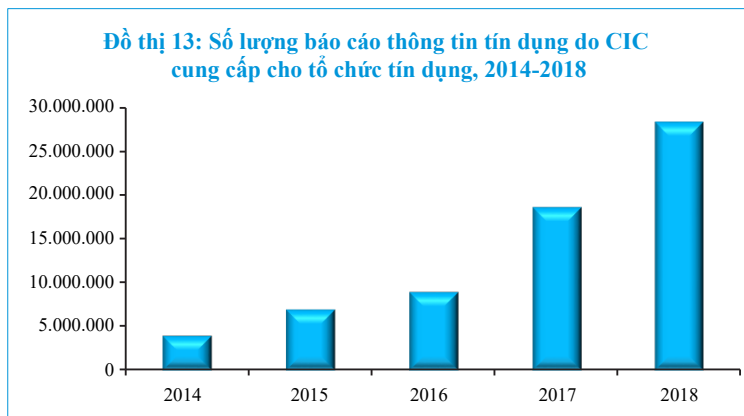
Nguồn: World Bank – Doing Business 2019

Cung cấp thông tin tín dụng

Trong năm 2018, CIC cung cấp thông tin kịp thời phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của NHNN như báo cáo phân tích định kỳ tháng về tình hình tín dụng, nợ xấu của TCTD; tình hình tín dụng theo địa bàn phục vụ hoạt động thanh tra, giám sát của NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố... Bên cạnh đó, với việc chính thức áp dụng phương thức cung cấp thông tin mới (Host to Host), kết nối trực tiếp từ hệ thống của CIC tới hệ thống quản trị rủi ro, phê duyệt tín dụng của các TCTD đã góp phần tích cực nâng cao hiệu quả hoạt động cung cấp thông tin tín dụng. Kết quả, năm 2018 CIC cung cấp gần 28,3 triệu báo cáo tín dụng, tăng 52% so với năm 2017. Nếu tính cả yêu cầu tra cứu nhanh về tình trạng quan hệ tín dụng của khách hàng vay, CIC đã đáp ứng gần 44,4 triệu yêu cầu. Tỷ lệ cung cấp thông tin tự động theo thời gian thực đạt khoảng 93%, cao hơn mức 85% của năm 2017, cho thấy việc cải tiến quy trình nghiệp vụ, sản phẩm dịch vụ, nâng cao chất lượng thông tin đầu vào và áp dụng công nghệ mới tại CIC đã đem lại hiệu quả rõ rệt.

Ngoài ra, CIC đã cung cấp một khối lượng lớn thông tin về khách hàng có nhóm nợ cao nhất để làm cơ sở cho TCTD phân loại, đánh giá nợ; đồng thời cũng cung cấp gói dữ liệu để TCTD xây dựng, phát triển, kiểm định các mô hình quản trị rủi ro, chấm điểm tín dụng,

xếp hạng tín dụng nội bộ, quản lý danh mục và thu hồi nợ; cung cấp thông tin hỗ trợ TCTD triển khai lộ trình Basel II.



Nguồn: NHNN

Hỗ trợ và phổ cập kiến thức tín dụng

Để minh bạch hóa thông tin tín dụng và hỗ trợ khách hàng vay giám sát thông tin tín dụng về bản thân, cải thiện điểm tín dụng, CIC xây dựng cổng thông tin kết nối với khách hàng vay và Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Contact Center). Đây là một trong những nội dung quan trọng trong việc triển khai Nghị quyết số 19/NQ-CP và Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ về các giải pháp nhằm cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng của người dân và doanh nghiệp.

9. Công tác truyền thông, minh bạch hóa thông tin

Năm 2018, công tác truyền thông của NHNN tiếp tục tập trung vào các nhiệm vụ: quản lý Nhà nước về truyền thông trong hệ thống ngân hàng; tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Chính phủ, điều hành CSTT và hoạt động ngân hàng của NHNN; tăng cường quản trị, nâng cấp giao diện và nội dung Cổng thông tin điện tử NHNN; giải đáp kịp thời các vấn đề báo chí, dư luận quan tâm; triển khai hoạt động an sinh xã hội của ngành ngân hàng. Tính kết nối trong hoạt động truyền thông ngành ngày càng được tăng cường, qua đó nâng cao hiệu quả công tác truyền thông trong toàn hệ thống. Bên cạnh đó, các chương trình truyền thông giáo dục tài chính như “Tiền khéo, tiền khôn”, “Những đứa trẻ thông thái”...

“

Công tác thông tin, truyền thông tiếp tục đạt được kết quả quan trọng, ngày càng chuyên nghiệp, tạo được niềm tin công chúng đối với điều hành CSTT và hoạt động ngân hàng, góp phần vào sự ổn định hệ thống.



tiếp tục được triển khai tốt, nhằm nâng cao hiểu biết của người dân, doanh nghiệp về các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, giảm thiểu rủi ro cho người sử dụng, giảm thiểu chi phí xã hội, góp phần triển khai tích cực các Đề án thanh toán không dùng tiền mặt, thúc đẩy thanh toán các dịch vụ công qua ngân hàng và Đề án nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng cho nền kinh tế.

Phần III – Quản trị nội bộ

1. Hoạt động kiểm toán nội bộ



Hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ tiếp tục tập trung vào những lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động, an toàn của NHNN.

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác kiểm soát, kiểm toán nội bộ theo Thông tư số 16/2011/TT-NHNN ngày 17/8/2011 của Thống đốc NHNN, chú trọng những lĩnh vực tiềm ẩn nhiều rủi ro. Theo đó, năm 2018, NHNN đã thực hiện kiểm toán nội bộ tại 30 đơn vị, theo các chuyên đề: kiểm toán báo cáo tài chính; kiểm toán tuân thủ hoạt động; kiểm toán dự án đầu tư xây dựng; dự án công nghệ thông tin; kiểm toán hoạt động kho quỹ; kiểm toán công nghệ thông tin và kiểm toán định kỳ đối với dự án FSMIMS. Hoạt động kiểm toán nội bộ đã giúp các đơn vị phát hiện, chấn chỉnh các tồn tại, thiếu sót; rà soát hoàn thiện quy trình, quy chế nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực trong quản lý, điều hành, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Tổ chức cán bộ và đào tạo bồi dưỡng

Biên chế, cơ cấu nhân sự và công tác cán bộ



NHNN tiếp tục xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả, hiệu lực theo chủ trương của Đảng và Chính phủ; tăng cường chất lượng nhân sự cho các đơn vị của NHNN; nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng hướng tới thông lệ, chuẩn mực quốc tế.

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, NHNN tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị để tiến hành sắp xếp, điều chỉnh phù hợp. Kết quả cụ thể như sau: **(i)** Nhằm nhất quán chủ trương đưa chức năng, nhiệm vụ tương đồng giao cho 01 đơn vị đầu mối, giảm cấp trung gian và đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm chi phí, NHNN đã chuyển nhiệm vụ phát hành Tạp chí tin học ngân hàng thuộc Cục Công nghệ thông tin sang Tạp chí Ngân hàng thực hiện; **(ii)** Nhất quán chủ trương tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về mô hình tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng theo hướng tinh gọn, hiệu quả hơn, theo đó, NHNN hiện đang hoàn thiện dự thảo để xin ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ trước khi trình Chính phủ

Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2017/NĐ-CP ngày 07/4/2014 về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 35/2014/QĐ-TTg ngày 12/6/2014 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

Về công tác biên chế, trong năm 2018, NHNN đã chủ động rà soát, đánh giá biên chế của NHNN giao cho các đơn vị, từ đó thực hiện cắt giảm biên chế trong hệ thống phù hợp với biên chế Bộ Nội vụ giao; đồng thời xây dựng lộ trình tổng thể và chi tiết từng năm, đảm bảo lộ trình đến năm 2021 giảm được tối thiểu 10% biên chế so với năm 2015. Diễn biến biên chế công chức của NHNN được giao trong giai đoạn năm 2015-2019 và dự kiến năm 2020-2021 như sau:



(*) Dự kiến biên chế được giao năm 2020-2021, đảm bảo tỷ lệ giảm tối thiểu 10% so với năm 2015

Nguồn: NHNN

Về công tác cán bộ, riêng trong năm 2017-2018, 73% công chức tuyển dụng của NHNN được thực hiện bằng 02 hình thức: (i) Công tác thi tuyển, xét tuyển được thực hiện theo đúng quy định, công khai, minh bạch; đồng thời từng bước ứng dụng công nghệ thông tin qua hình thức thi trắc nghiệm trên máy vi tính; (ii) Công tác tiếp nhận không qua thi tuyển: việc tiếp nhận không qua thi tuyển nhằm bổ sung ngay những ứng viên xuất sắc, có kinh nghiệm lâu năm nhằm bổ sung cho những vị trí đang thiếu nhân sự. Đặc biệt, hình thức tiếp nhận không qua thi tuyển đã tiếp nhận, bổ nhiệm được một số trường hợp

về đảm nhận vị trí lãnh đạo chủ chốt của một số Vụ, Cục, đơn vị; từ đó góp phần thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ lãnh đạo giữa NHNN và NHTM và ngược lại. Các trường hợp tuyển dụng, tiếp nhận không qua thi tuyển được NHNN thực hiện đúng quy trình, đủ điều kiện tiêu chuẩn, đều được Bộ Nội vụ thẩm định, chấp thuận.

Về công tác đào tạo, bồi dưỡng

Bám sát mục tiêu xây dựng đội ngũ, cán bộ công chức chuyên nghiệp, có đủ năng lực xây dựng và thực thi chính sách của ngân hàng trung ương theo nguyên tắc thị trường dựa trên cơ sở công nghệ tiên tiến, theo thông lệ, chuẩn mực quốc tế; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong năm 2018 thu được nhiều kết quả tích cực. Năm 2018, có 4.366 lượt cán bộ tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; 10 cán bộ tham dự các khóa đào tạo sau đại học trong và ngoài nước; 13 cán bộ thuộc quy hoạch chuyên gia đi thực tập tại NHTM cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Đồng thời, NHNN tiếp tục phối hợp với các dự án/chương trình hỗ trợ kỹ thuật từ ATTF nhằm đáp ứng yêu cầu cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên môn của đơn vị. Công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2018 đã được tiến hành theo hướng cải tiến về nội dung chương trình, phương pháp đào tạo, công tác giảng viên, các biện pháp khuyến khích học viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và yêu cầu phát triển nguồn nhân lực ngành ngân hàng.

3. Công tác nghiên cứu khoa học

Năm 2018, ngành ngân hàng đã triển khai thêm 30 nhiệm vụ cấp bộ; 14 nhiệm vụ cấp cơ sở, tập trung 06 vấn đề trọng tâm: **(i)** Hoàn thiện mô hình và cơ chế hoạt động của NHNN theo hướng trở thành ngân hàng trung ương hiện đại phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam; **(ii)** Hoàn thiện khuôn khổ CSTT, chính sách tỷ giá, quản lý ngoại hối và thị trường vàng, thị trường tiền tệ nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của NHNN giai đoạn 2016-2020; **(iii)** Tiếp tục cơ cấu lại các TCTD gắn với xử lý nợ xấu; củng cố và đổi mới hệ thống quản trị ngân hàng phù hợp với thông lệ quốc tế; thực hiện công khai, minh bạch hoạt động ngân hàng; **(iv)** Đổi mới cơ chế và nâng cao hiệu



Hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ ngành ngân hàng luôn bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra cho ngành và có những đóng góp đáng kể vào nghiên cứu lý luận và thực tiễn cho hoạt động của ngành.

quả hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng, giám sát an toàn vĩ mô hệ thống tài chính; (v) Hoàn thiện hệ thống hạ tầng tài chính, công nghệ thông tin và phát triển dịch vụ ngân hàng; (vi) Các nghiên cứu liên ngành và nghiên cứu cơ bản hỗ trợ hoạt động của khu vực ngân hàng. Các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được lựa chọn bám sát vào các vấn đề trọng tâm của ngành ngân hàng, cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho hoạt động của ngành.

Trong năm 2018, NHNN tổ chức nhiều hội thảo về các chủ đề được dư luận quan tâm: Hội thảo cấp Ngành “Ngành Ngân hàng Việt Nam với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư”; Hội thảo chuyên đề 4 với chủ đề “Bước tiến mới trong ngành tài chính - ngân hàng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0”; Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm quốc tế về cho vay ngang hàng và khuôn khổ pháp lý thử nghiệm dành cho lĩnh vực công nghệ tài chính; Hội thảo Quốc gia “Tài chính vi mô hỗ trợ phụ nữ giảm nghèo tại Việt Nam”, “Tài chính vi mô và cơ hội phát triển kinh tế cho phụ nữ”, “Nâng cao hiệu lực điều hành chính sách an toàn vĩ mô tại Việt Nam”. Các nội dung thảo luận tại các Hội thảo đã thẳng thắn nhìn nhận sâu sắc, nêu được thực tiễn hoạt động của ngành để từ đó có những giải pháp, kiến nghị, định hướng chiến lược, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành ngân hàng trong những năm tiếp theo.

4. Công tác thống kê

Nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý và tăng cường hiệu quả của hoạt động điều tra thống kê, trong năm 2018, NHNN ban hành Thông tư số 26/2018/TT-NHNN ngày 16/11/2018 quy định về điều tra thống kê tiền tệ, ngân hàng và ngoại hối ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia thay thế Thông tư số 06/2011/TT-NHNN ngày 22/3/2011 của NHNN quy định về điều tra thống kê trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối.

Bên cạnh việc tăng cường công tác thu thập, kiểm tra, tra soát, tổng hợp thông tin báo cáo nhằm đáp ứng công tác chỉ đạo, điều hành, giám sát an toàn hoạt động TCTD, NHNN đã tập trung hướng dẫn, giải đáp vướng

“

Công tác thống kê của NHNN tiếp tục được tăng cường và phát triển, góp phần phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành.

mắc của các đơn vị tại Thông tư số 11/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015.

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục triển khai chính thức điều tra kỳ vọng lạm phát định kỳ hàng tháng; Điều tra xu hướng kinh doanh định kỳ hàng quý thông qua hệ thống điều tra thống kê trực tuyến; các cuộc điều tra thống kê trực tuyến; triển khai thí điểm cuộc điều tra xu hướng tín dụng định kỳ 6 tháng và điều tra kỳ vọng lạm phát đối với các chuyên gia kinh tế định kỳ hàng quý. Kết quả điều tra thu được đã giúp các nhà hoạch định chính sách nắm bắt xu hướng, diễn biến và kỳ vọng trên thị trường tiền tệ, hoạt động ngân hàng kịp thời. Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục cập nhật, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính trong nước và quốc tế; ứng dụng công nghệ tin học hiện đại trong khai thác và tổng hợp kết quả báo cáo. Các kết quả trên đã góp phần phục vụ cho công tác phân tích, dự báo, hoạch định và điều hành CSTT của NHNN.

5. Công nghệ thông tin

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong hoạt động quản lý, điều hành gắn với cải cách hành chính

“

Quản lý vận hành ổn định, thông suốt hạ tầng công nghệ thông tin, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ gắn với cải cách hành chính; đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống.

Nhằm nâng cao vai trò quản lý Nhà nước về công nghệ thông tin, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, năm 2018, NHNN đã ban hành 04 thông tư, 02 quy chế, cụ thể: **(i)** Thông tư số 18/2018/TT-NHNN ngày 21/8/2018 về an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng; Thông tư số 21/2018/TT-NHNN ngày 31/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về việc quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng quốc gia; Thông tư số 34/2018/TT-NHNN ngày 24/12/2018 quy định quản lý và sử dụng mạng máy tính của NHNN; Thông tư số 35/2018/TT-NHNN ngày 24/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2016/TT-NHNN ngày 29/12/2016 quy định về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ ngân hàng trên Internet; **(ii)** Quy chế an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin của NHNN và phương án tổng thể an



ninh bảo mật công nghệ thông tin của các TCTD. Bên cạnh đó, NHNN cũng hoàn thành xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2018 và cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử. Các văn bản được ban hành đã tạo hành lang pháp lý đầy đủ, điều chỉnh, hướng dẫn các TCTD làm tốt công tác an ninh, an toàn cho hệ thống trong hoạt động ngân hàng. Song song với việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, NHNN cũng tổ chức các đoàn kiểm tra để kịp thời phát hiện những hạn chế về an ninh, bảo mật, từ đó đưa ra các khuyến nghị, khắc phục hạn chế, tồn tại.

Ngân hàng Nhà nước cũng tích cực đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong hoạt động quản lý, điều hành gắn với cải cách hành chính. Theo đó, NHNN đã duy trì 3 năm liên tiếp đứng đầu bảng xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính do Ban chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ công bố. Hiện nay, 100% thủ tục hành chính của NHNN được cập nhật trên cơ sở dữ liệu Quốc gia phục vụ nhu cầu tìm hiểu, tra cứu thông tin của tổ chức, cá nhân trong và ngoài ngành. Năm 2018, NHNN hoàn thành triển khai “Xây dựng hạ tầng dùng chung phục vụ cho việc nâng cấp các dịch vụ công của NHNN từ mức độ 2 lên mức độ 3, 4”; nâng cấp thêm 15 dịch vụ lên mức độ 3, nâng tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 lên 35/368, còn lại là dịch vụ công mức độ 2. Bên cạnh đó, NHNN cũng hoàn thiện hệ thống báo cáo thống kê, nâng cao tính chính xác, kịp thời của số liệu phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của NHNN. Ngoài ra, để nâng cao hiệu quả công tác giám sát hệ thống quỹ tín dụng nhân dân, NHNN đã thực hiện thu thập 25 báo cáo từ các quỹ tín dụng nhân dân và xây dựng 40 báo cáo đầu ra phục vụ khai thác, điều hành của các đơn vị tại NHNN, chia sẻ thông tin cho Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam và Ngân hàng Hợp tác xã để phối hợp làm tốt công tác quản lý hoạt động của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân. Theo kế hoạch của Chính phủ, NHNN đang phối hợp xây dựng hệ thống báo cáo liên thông giữa các bộ, ngành để nâng cao hiệu quả thực hiện và sử dụng phục vụ hoạt động quản lý nhà nước của Chính phủ.

Quản lý, vận hành, duy trì hạ tầng công nghệ thông tin hoạt động ổn định, thông suốt song song với công tác bảo đảm an ninh và an toàn thông tin

Với định hướng triển khai các hệ thống công nghệ thông tin theo mô hình tập trung tại ngân hàng trung ương, toàn bộ hạ tầng công nghệ thông tin của NHNN được quản lý tập trung tại Cục Công nghệ thông tin; trong đó Trung tâm dữ liệu chính được thiết kế theo tiêu chuẩn Tier III - TIA 942 vận hành từ năm 2017 - là Trung tâm dữ liệu hiện đại nhất trong hệ thống ngân hàng tại Việt Nam. Năm 2018, nhằm đảm bảo vận hành an toàn, thông suốt hoạt động của Trung tâm dữ liệu chính, NHNN đã triển khai bảo trì, bảo dưỡng tất cả các hạng mục kỹ thuật. NHNN cũng hoàn thành tập trung hóa tài nguyên máy chủ, tủ đĩa về Trung tâm dữ liệu chính và dự phòng để đảm bảo hoạt động, nghiệp vụ liên tục, thông suốt. Hệ thống an ninh bảo mật được trang bị tương ứng với hạ tầng mạng để kiểm soát truy cập giữa mạng LAN của các đơn vị với mạng WAN của NHNN cũng như giữa các phân vùng khác nhau của mạng LAN. Hệ thống chữ ký số (CA-NHNN) được nâng cấp đầu năm 2018, đáp ứng tiêu chuẩn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Tính đến nay đã có hơn 6.000 chứng thư số được cấp phục vụ hiệu quả cho hoạt động của các hệ thống thông tin: Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng, Hệ thống cung cấp Dịch vụ công trực tuyến, Hệ thống báo cáo Bảo hiểm tiền gửi.

Trong năm 2018, NHNN tiếp tục rà soát, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn trong việc đảm bảo an ninh, an toàn cho hệ thống thanh toán điện tử; triển khai diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin cho các thành viên Mạng lưới ứng cứu sự cố an ninh công nghệ thông tin trong ngành Ngân hàng.

Phần IV – Hợp tác quốc tế

Năm 2018, công tác đối ngoại tiếp tục được triển khai chủ động, tích cực, có trọng tâm, trọng điểm, nâng cao hiệu quả để đưa các quan hệ hợp tác quốc tế đi vào chiều sâu, ổn định, mang lại lợi ích thiết thực cho đất nước, góp phần thúc đẩy quá trình hội nhập và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

1. Hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế

Năm 2018, NHNN tiếp tục tăng cường quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và các nước ASEAN, ASEAN+3, APEC thông qua các hoạt động và sáng kiến hợp tác tài chính, ngân hàng; phối hợp chặt chẽ, xem xét và phê duyệt các vấn đề quan trọng trong hoạt động của SEACEN. Tại các diễn đàn này, NHNN tích cực tham gia các phiên trao đổi, đánh giá về diễn biến kinh tế - tài chính, các phản ứng chính sách của các quốc gia để tham vấn, đề xuất biện pháp chính sách phù hợp, góp phần thúc đẩy hợp tác kinh tế đa phương, mở rộng thị trường dịch vụ, tăng cường hợp tác tiền tệ - ngân hàng khu vực và quốc tế.

Ngân hàng Nhà nước đã tích cực tham gia đàm phán, ký kết các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA) đối với các nội dung liên quan đến lĩnh vực ngân hàng. Tính đến nay, đã có 12 FTA được ký kết, bao gồm: Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), các FTA ký kết với tư cách là thành viên ASEAN (AFTA, 5 FTA giữa ASEAN với các đối tác Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc và Niu Di lân (AANZFTA), Hồng Kông, 5 FTA ký kết với tư cách là một bên độc lập (Chi-lê, Nhật Bản, Hàn Quốc, Liên minh kinh tế Á - Âu, Cu-ba). NHNN phối hợp với các bộ, ngành hữu quan nỗ lực thúc đẩy đàm phán để sớm kết thúc Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP).

Trong năm 2018, NHNN đã tham gia sự kiện xúc tiến quảng bá Việt Nam với quy mô lớn đến cộng đồng doanh nghiệp quốc tế trong khuôn khổ Hội nghị Diễn đàn kinh tế thế giới khu vực ASEAN. Nhằm tăng cường

“

Hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế thế giới và khu vực.

nội lực cho ngành ngân hàng trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa, NHNN tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý nhằm định hướng hoạt động của ngành theo đúng lộ trình hội nhập sâu rộng trong WTO; tích cực huy động/triển khai các chương trình hợp tác đào tạo từ SEACEN, SCCB trong đó tập trung khai thác và áp dụng các tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế một số lĩnh vực như hệ thống thanh toán bù trừ tự động, quản lý rủi ro ngân hàng theo Basel II, chuyển đổi cam kết trong đàm phán FTA, tài chính toàn diện...

2. Quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế

“

Tăng cường vị thế tại các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế.

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục thực hiện tốt vai trò đại diện của Chính phủ Việt Nam tại các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế như IMF, WB, ADB, AIIB, IBEC, IIBS thông qua việc duy trì, phát triển quan hệ hợp tác, truyền thông về các chủ trương, chính sách của Chính phủ Việt Nam, qua đó củng cố quan hệ ngày càng vững chắc với các tổ chức.

Trong năm 2018, Lãnh đạo NHNN đã đại diện cho Chính phủ Việt Nam tham dự Hội nghị Mùa Xuân IMF/WB tại Mỹ, Hội nghị thường niên AIIB tại Ấn Độ, Hội nghị thường niên ADB tại Philippines, Hội nghị thường niên IMF/WB tại Indonesia, Hội nghị Thống đốc IIB, Hội nghị Hội đồng IBEC tại Cu-ba... Bên cạnh đó, NHNN cũng chủ trì tiếp đón các đoàn Lãnh đạo của các tổ chức tài chính quốc tế như Phó Chủ tịch AIIB, Chủ tịch ADB, Phó Chủ tịch ADB, Tổng Giám đốc Điều hành kiêm Giám đốc tài chính WB, Phó Chủ tịch WB phụ trách khu vực Đông Á Thái Bình Dương, Chủ tịch Ban Lãnh đạo IBEC... Lãnh đạo các tổ chức tài chính quốc tế đã có các buổi tiếp kiến với Lãnh đạo Chính phủ và làm việc với Lãnh đạo các bộ, ngành, địa phương để tăng cường mối quan hệ hợp tác, qua đó, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, thúc đẩy hơn nữa quan hệ giữa Việt Nam và các tổ chức quốc tế.

Trong quan hệ với AIIB, NHNN tiếp tục khẳng định vai trò là một thành viên sáng lập có trách nhiệm. Đặc biệt, trên cương vị Giám đốc phụ khuyết của Nhóm



tại AIIB (nhiệm kỳ 7/2017-6/2018), đại diện của NHNN đã tích cực tham gia vào quá trình xây dựng chính sách và hoạt động của AIIB, qua đó góp phần tăng cường hiện diện cũng như tiếng nói của Việt Nam tại các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế.

Đối với IMF, NHNN thực hiện tốt chức năng đầu mối tại IMF, phối hợp chặt chẽ với Văn phòng IMF tại Việt Nam, Văn phòng Nhóm SEAGV, thường xuyên trao đổi, cập nhật thông tin, số liệu, tham gia điều tra của IMF về tiếp cận tài chính, quản trị, quản lý rủi ro và chức năng tuân thủ của Ngân hàng trung ương trong hoạt động cung cấp số liệu cho các đối tác quốc tế. IMF đã tiến hành nhiều hoạt động tư vấn chính sách và chương trình hỗ trợ kỹ thuật cho NHNN trong nhiều lĩnh vực: thống kê khu vực đối ngoại (ESS), xây dựng mô hình Hệ thống phân tích và dự báo chính sách (FPAS), Hệ thống phổ biến số liệu chung tăng cường (e-GDDS)...

Trong quan hệ với IIB/IBEC, NHNN đã thực hiện tốt vai trò đại diện của Chính phủ tại các tổ chức này, đặc biệt trong bối cảnh 02 ngân hàng đang thực hiện những bước cải cách mạnh mẽ cơ cấu tổ chức và hoạt động của mình.

Tại Quyết định số 2183/QĐ-TTg ngày 14/11/2016, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án về “*Đẩy mạnh việc tham gia vào các thể chế tài chính - tiền tệ - ngân hàng khu vực và quốc tế*” và Kế hoạch hành động thực hiện Đề án đến năm 2020, tầm nhìn 2030, trong đó giao NHNN tiếp cận và tham gia vào các tổ chức thành viên của BIS để tiến tới trở thành thành viên chính thức của BIS từ 2017-2020. Trên cơ sở đó, trong những năm qua, NHNN đã có nhiều hoạt động trao đổi với BIS, tham gia tích cực vào các nhóm, diễn đàn và tổ chức trực thuộc BIS. Hiện NHNN là quan sát viên thường trực của BIS trong các hội nghị, diễn đàn trực thuộc.

3. Quan hệ hợp tác song phương

Thực hiện chủ trương, định hướng của Đảng, Chính phủ về tăng cường hội nhập quốc tế, trong năm 2018, NHNN đã phát triển, làm sâu sắc quan hệ hợp tác với ngân hàng trung ương, cơ quan giám sát ngân



Quan hệ hợp tác song phương tiếp tục được tăng cường và đẩy mạnh.

hàng tại các nước có quan hệ hợp tác truyền thống với Việt Nam như Lào, Trung Quốc, Cam-pu-chia, Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản. NHNN cũng tích cực thiết lập quan hệ với ngân hàng trung ương, cơ quan giám sát ngân hàng tại các khu vực tiềm năng mà Chính phủ có định hướng đẩy mạnh quan hệ thương mại, đầu tư như Trung Đông, châu Phi... với các sự kiện nổi bật như Hội nghị song phương cấp cao năm 2018 với Ngân hàng Cộng hòa Nhân dân Lào, Ngân hàng Quốc gia Cam-pu-chia, kỳ họp lần thứ 4 của Nhóm Công tác hợp tác về tài chính tiền tệ với ngân hàng, chương trình giao lưu văn hóa thể thao với Ngân hàng Cộng hòa Nhân dân Lào và Ngân hàng Quốc gia Cam-pu-chia, Hội thảo khoa học về các giải pháp thúc đẩy thanh toán với thị trường Trung Đông, châu Phi...

Trong năm 2018, NHNN đã rà soát và thực hiện sửa đổi/ký mới các thỏa thuận quốc tế nhằm tạo khuôn khổ hoặc thúc đẩy hợp tác giữa NHNN với cơ quan quản lý các nước trong các lĩnh vực hai bên cùng quan tâm, gồm: Bản ghi nhớ về tăng cường hợp tác trong lĩnh vực đổi mới tài chính giữa NHNN và Ủy ban Dịch vụ tài chính Hàn Quốc (FSC) tháng 3/2018; Bản ghi nhớ hợp tác trong lĩnh vực ngân hàng và Bản ghi nhớ hợp tác về trao đổi thông tin trong lĩnh vực thanh tra giám sát ngân hàng giữa NHNN và Cơ quan tiền tệ Singapore (MAS) tháng 4/2018; Bản ghi nhớ về hợp tác và trao đổi thông tin trong lĩnh vực giám sát các hệ thống thanh toán giữa NHNN với Ngân hàng trung ương Nga tháng 9/2018.

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục triển khai và tăng cường hiệu quả các chương trình/hoạt động hỗ trợ của đối tác song phương (Canada-GAC; Nhật Bản-JICA; Luxembourg-ATTF, DID,...) dành cho NHNN nhằm thực hiện tăng cường năng lực cho cán bộ NHNN và cán bộ ngành ngân hàng trong các lĩnh vực mà các đối tác có thế mạnh, góp phần đáp ứng yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực ngày càng cao trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Điển hình là Dự án “*Tăng cường năng lực trong lĩnh vực sản xuất mục in tiền*” thực hiện trong giai đoạn 2015-2017 do JICA, Nhật Bản tài trợ, đã được



JICA trao giải thưởng dự án đặc biệt trong 60 dự án toàn cầu của JICA.

Ngoài ra, với vai trò quản lý hệ thống ngân hàng Việt Nam, trong năm 2018, NHNN đã tích cực tham gia vào các diễn đàn, ủy ban hợp tác song phương của Chính phủ nhằm tăng cường hợp tác trong lĩnh vực ngân hàng, tích cực chỉ đạo và phối hợp với các NHTM nghiên cứu, xây dựng cơ chế để tạo thuận lợi cho hoạt động thanh toán, chuyển tiền, đầu tư nhằm thúc đẩy các hoạt động thương mại, đầu tư giữa Việt Nam và các nước đối tác, theo đúng tinh thần chỉ đạo của Chính phủ về tăng cường hợp tác, mở rộng xúc tiến đầu tư ra các thị trường mới như Trung Đông, châu Phi, châu Mỹ,...

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: CÁC MỨC LÃI SUẤT DO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CÔNG BỐ

Đơn vị: %/năm

Thời gian	Lãi suất tái cấp vốn	Lãi suất tái chiết khấu	Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng
Tháng 12/2017	6,25	4,25	7,25
Tháng 1/2018	6,25	4,25	7,25
Tháng 2/2018	6,25	4,25	7,25
Tháng 3/2018	6,25	4,25	7,25
Tháng 4/2018	6,25	4,25	7,25
Tháng 5/2018	6,25	4,25	7,25
Tháng 6/2018	6,25	4,25	7,25
Tháng 7/2018	6,25	4,25	7,25
Tháng 8/2018	6,25	4,25	7,25
Tháng 9/2018	6,25	4,25	7,25
Tháng 10/2018	6,25	4,25	7,25
Tháng 11/2018	6,25	4,25	7,25
Tháng 12/2018	6,25	4,25	7,25

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 2: HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ THỊ TRƯỜNG MỞ

Chào mua	Năm 2018
Số phiên	251
Kỳ hạn (ngày)	7; 14; 21
Số lượt thành viên	627
Doanh số đặt thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	2.938
Doanh số trúng thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	2.572
Lãi suất (%/năm)	4,75; 5,0
Phương thức đấu thầu	Khối lượng
Chào bán	Năm 2018
Số phiên	193
Kỳ hạn (ngày)	7; 14; 28; 91; 140
Số lượt thành viên	257
Doanh số đặt thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	5.127
Doanh số trúng thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	4.384
Lãi suất (%/năm)	0,27-3,75
Phương thức đấu thầu	Khối lượng, Lãi suất

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 3: TỶ LỆ DỰ TRỮ BẮT BUỘC (*)

		TIỀN GỬI BẰNG VND (**)		TIỀN GỬI BẰNG NGOẠI TỆ		Đơn vị: %	
		Tiền gửi của khách hàng, Kho bạc Nhà nước, tiền thu được từ phát hành giấy tờ có giá		Tiền gửi của khách hàng, Kho bạc Nhà nước, tiền thu được từ phát hành giấy tờ có giá			
Thời điểm bắt đầu hiệu lực		Không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 12 tháng		Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên		Tiền gửi của các TCTD ở nước ngoài	
		Không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 12 tháng	Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	Không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 12 tháng	Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên		
05/2011	3	1	5	6	3	4	
06/2011	3	1	6	7	4	5	
09/2011 (***)	3	1	7	8	5	6	1

(*) Không bao gồm quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc 0% đối với tất cả các loại tiền gửi; ngân hàng chính sách áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc theo quy định của Chính phủ.

(**) Các TCTD có tỷ trọng dư nợ cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn bình quân từ 40% trở lên được áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc thấp hơn tỷ lệ dự trữ bắt buộc nêu trên theo quy định của NHNN về hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ CSTT để hỗ trợ TCTD cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn (hiện nay là Thông tư số 14/2018/TT-NHNN ngày 29/5/2018).

(***) Các TCTD hoạt động tại Việt Nam tính dự trữ bắt buộc đối với phần tiền gửi của các TCTD ở nước ngoài theo Thông tư số 27/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011 của NHNN về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế dự trữ bắt buộc đối với các TCTD ban hành kèm theo Quyết định số 581/2003/QĐ-NHNN ngày 09 tháng 6 năm 2003 của Thống đốc NHNN.

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 4: CÁN CÂN THANH TOÁN QUỐC TẾ

Đơn vị: Triệu USD

	2017	2018
A. CÁN CÂN VĂNG LAI	-1.651	5.899
Hàng hóa: Xuất khẩu F.O.B	215.119	243.697
Hàng hóa: Nhập khẩu F.O.B	204.274	227.157
<i>Hàng hóa (ròng)</i>	<i>10.845</i>	<i>16.540</i>
Dịch vụ: Xuất khẩu	13.070	14.791
Dịch vụ: Nhập khẩu	17.100	18.470
<i>Dịch vụ (ròng)</i>	<i>-4.030</i>	<i>-3.680</i>
Thu nhập đầu tư (Thu nhập sơ cấp): Thu	745	1.615
Thu nhập đầu tư (Thu nhập sơ cấp): Chi	17.739	17.433
<i>Thu nhập đầu tư (Thu nhập sơ cấp) (ròng)</i>	<i>-16.994</i>	<i>-15.818</i>
Chuyển giao vãng lai (Thu nhập thứ cấp): Thu	10.031	10.869
Chuyển giao vãng lai (Thu nhập thứ cấp): Chi	1.503	2.012
<i>Chuyển giao vãng lai (Thu nhập thứ cấp) (ròng)</i>	<i>8.528</i>	<i>8.857</i>
B. CÁN CÂN VỐN	0	0
Cán cân vốn: Thu	0	0
Cán cân vốn: Chi	0	0
C. CÁN CÂN TÀI CHÍNH	19.941	8.464
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	-480	-598
Đầu tư trực tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	14.100	15.500
<i>Đầu tư trực tiếp (ròng)</i>	<i>13.620</i>	<i>14.902</i>
Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	0	0
Đầu tư gián tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	2.069	3.021
<i>Đầu tư gián tiếp (ròng)</i>	<i>2.069</i>	<i>3.021</i>
Đầu tư khác: Tài sản có	-9.603	-11.143
Tiền và tiền gửi	-9.556	-10.804
TCTD	-4.068	-4.449
Khu vực khác	-5.488	-6.355
Cho vay, thu hồi nợ nước ngoài	0	0
Tín dụng thương mại và ứng trước	0	0
Các khoản phải thu/phải trả khác	-47	-339
Đầu tư khác: Tài sản nợ	13.855	1.686
Tiền và tiền gửi	3.110	-198
TCTD	3.084	-268
Khu vực khác	26	70
Vay, trả nợ nước ngoài	10.745	1.884
Ngắn hạn	6.436	-3.313
Rút vốn	21.806	20.712
Trả nợ gốc	-15.370	-24.025
Dài hạn	4.309	5.197
Rút vốn	13.732	12.956
Chính phủ	3.225	3.010
Tư nhân	10.507	9.946
Trả nợ gốc	-9.423	-7.759
Chính phủ	-1.249	-1.570
Tư nhân	-8.174	-6.189
Tín dụng thương mại và ứng trước	0	0
Các khoản phải thu/phải trả khác	0	0
<i>Đầu tư khác (ròng)</i>	<i>4.252</i>	<i>-9.459</i>
D. LỖI VÀ SAI SÓT	-5.746	-8.334
E. CÁN CÂN TỔNG THỂ	12.544	6.031
F. DỰ TRỮ VÀ CÁC HẠNG MỤC LIÊN QUAN	-12.544	-6.031
Tài sản dự trữ	-12.544	-6.031
Tín dụng và vay nợ từ IMF	0	0
Tài trợ đặc biệt	0	0

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 5: TỶ GIÁ GIỮA USD VÀ VND

Đơn vị tính: VND/USD

Năm 2018	Tỷ giá ngày cuối tháng			Tỷ giá bình quân trong tháng		
	Tỷ giá trung tâm	Tỷ giá niêm yết của Vietcombank		Tỷ giá trung tâm	Tỷ giá niêm yết của Vietcombank	
		Mua	Bán		Mua	Bán
Tháng 1	22.441	22.675	22.745	22.411	22.675	22.745
Tháng 2	22.463	22.720	22.790	22.440	22.681	22.751
Tháng 3	22.458	22.750	22.820	22.454	22.736	22.806
Tháng 4	22.539	22.730	22.800	22.486	22.749	22.819
Tháng 5	22.595	22.765	22.835	22.575	22.743	22.813
Tháng 6	22.650	22.920	22.990	22.597	22.814	22.884
Tháng 7	22.669	23.245	23.325	22.647	23.066	23.139
Tháng 8	22.678	23.260	23.340	22.679	23.253	23.333
Tháng 9	22.714	23.290	23.370	22.701	23.268	23.348
Tháng 10	22.726	23.300	23.390	22.720	23.301	23.386
Tháng 11	22.750	23.275	23.365	22.731	23.279	23.369
Tháng 12	22.825	23.155	23.245	22.780	23.242	23.332

Ghi chú: Tỷ giá niêm yết như trên được hiểu là số lượng Đồng Việt Nam để đổi 1 đô-la Mỹ
Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 6: GIÁ VÀNG THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Đơn vị: Triệu đồng/lượng

Năm 2018	Giá vàng ngày cuối tháng	Giá vàng bình quân trong tháng
Tháng 1	36,88	36,82
Tháng 2	36,70	36,91
Tháng 3	36,82	36,80
Tháng 4	36,84	36,90
Tháng 5	36,74	36,72
Tháng 6	36,73	36,84
Tháng 7	36,80	36,87
Tháng 8	36,74	36,75
Tháng 9	36,40	36,64
Tháng 10	36,46	36,54
Tháng 11	36,46	36,51
Tháng 12	36,53	36,42

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 7: CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

Đơn vị: %

Năm	Thời gian	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
2014	So với tháng 12 năm trước	0,69	1,24	0,80	0,88	1,08	1,38	1,62	1,84	2,25	2,36	2,08	1,84
	So với tháng trước	0,69	0,55	-0,44	0,08	0,20	0,30	0,23	0,22	0,40	0,11	-0,27	-0,24
	So với cùng kỳ	5,45	4,65	4,39	4,45	4,72	4,98	4,94	4,31	3,62	3,23	2,60	1,84
	Bình quân so với cùng kỳ	5,45	5,05	4,83	4,73	4,73	4,77	4,80	4,73	4,61	4,47	4,30	4,09
2015	So với tháng 12 năm trước	-0,20	-0,25	-0,10	0,04	0,20	0,55	0,68	0,61	0,40	0,51	0,58	0,60
	So với tháng trước	-0,20	-0,05	0,15	0,14	0,16	0,35	0,13	-0,07	-0,21	0,11	0,07	0,02
	So với cùng kỳ	0,94	0,34	0,93	0,99	0,95	1,00	0,90	0,61	0,00	0,00	0,34	0,60
	Bình quân so với cùng kỳ	0,94	0,64	0,74	0,80	0,83	0,86	0,86	0,83	0,74	0,67	0,64	0,63
2016	So với tháng 12 năm trước	0,00	0,42	0,99	1,33	1,88	2,35	2,48	2,58	3,14	4,00	4,50	4,74
	So với tháng trước	0,00	0,42	0,57	0,33	0,54	0,46	0,13	0,10	0,54	0,83	0,48	0,23
	So với cùng kỳ	0,80	1,27	1,69	1,89	2,28	2,40	2,39	2,57	3,34	4,09	4,52	4,74
	Bình quân so với cùng kỳ	0,80	1,03	1,25	1,41	1,59	1,72	1,82	1,91	2,07	2,27	2,47	2,66
2017	So với tháng 12 năm trước	0,46	0,69	0,90	0,90	0,37	0,20	0,31	1,23	1,83	2,25	2,38	2,60
	So với tháng trước	0,46	0,23	0,21	0,00	-0,53	-0,17	0,11	0,92	0,59	0,41	0,13	0,21
	So với cùng kỳ	5,22	5,02	4,65	4,30	3,19	2,54	2,52	3,35	3,40	2,98	2,62	2,60
	Bình quân so với cùng kỳ	5,22	5,12	4,96	4,80	4,47	4,15	3,91	3,84	3,79	3,71	3,61	3,53
2018	So với tháng 12 năm trước	0,51	1,24	0,97	1,05	1,61	2,22	2,13	2,59	3,20	3,54	3,24	2,98
	So với tháng trước	0,51	0,73	-0,27	0,08	0,55	0,61	-0,09	0,45	0,59	0,33	-0,29	-0,25
	So với cùng kỳ	2,65	3,15	2,66	2,75	3,86	4,67	4,46	3,98	3,98	3,89	3,46	2,98
	Bình quân so với cùng kỳ	2,65	2,90	2,82	2,80	3,01	3,29	3,45	3,52	3,57	3,60	3,59	3,54

Nguồn: Tổng cục Thống kê

PHỤ LỤC 8: MỘT SỐ CHỈ TIÊU TIỀN TỆ, TÍN DỤNG

Chỉ tiêu	2017 (*)	QI/2018	QII/2018	QIII/2018	2018
Số dư cuối kỳ (tỷ đồng)					
1. Tổng phương tiện thanh toán	8.194.708	8.521.098	8.879.582	8.933.435	9.211.848
2. Tổng huy động vốn từ tổ chức và cá nhân trong nước	7.216.801	7.444.405	7.825.717	7.906.902	8.126.830
3. Tín dụng đối với nền kinh tế	6.512.018	6.555.278	6.827.140	6.985.654	7.211.175
% Tăng trưởng so với năm trước					
1. Tổng phương tiện thanh toán	15,00	3,98	8,36	9,01	12,41
2. Tổng huy động vốn từ tổ chức và cá nhân trong nước	15,02	3,15	8,44	9,56	12,61
3. Tín dụng đối với nền kinh tế	18,28	3,53	7,82	10,33	13,89

(*) Dư nợ tín dụng năm 2017 đã bao gồm số dư cấp tín dụng theo hợp đồng nhận ủy thác và số dư trái phiếu đặc biệt VAMC.

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 9: TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC

Năm	GDP theo giá hiện hành (tỷ đồng)	Mức tăng trưởng* GDP (%)	GDP bình quân đầu người (nghìn đồng)
2010	2.157.828	6,42	24.818
2011	2.779.880	6,24	31.647
2012	3.245.419	5,25	36.544
2013	3.584.262	5,42	39.932
2014	3.937.856	5,98	43.402
2015	4.192.862	6,68	45.717
2016	4.502.733	6,21	48.576
2017	5.007.857	6,81	53.500
2018	5.535.267	7,08	58.500

Ghi chú: * Tính theo giá so sánh năm 2010

Nguồn: Tổng cục Thống kê